

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 71/DKSH VN/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM

Địa chỉ: 23 Đại Lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 - 3756312

Fax: 0274 - 3756313

E-mail: yen.thimy.huynh@dksh.com

Mã số doanh nghiệp: 3700303206

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được miễn cấp.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG

AUSTRALIA'S OWN MIGHTY MILK

2. Thành phần: Sữa bò tươi 97%, đường, khoáng chất (sắt, kẽm), vitamin D.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 9 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 600 mL (3 hộp x 200 mL)

Hộp 200 mL

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong hộp giấy tráng PE. Doanh nghiệp cam kết chất liệu bao bì đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: PACTUM DAIRY GROUP Pty. Ltd.

Địa chỉ: 1/102 Old Dookie Road, Shepparton, Victoria, 3630 Australia.

Cho: NOUMI TRADING Pty. Ltd.

Địa chỉ: 80 Box Road, Taren Point, NSW 2229 Australia.

Xuất xứ: Úc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: xem đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

**Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sữa dạng lỏng QCVN 5-1:2010/BYT**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 29 tháng 09 năm 2022

**CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM**



**HUỲNH THỊ MỸ YẾN**  
**QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM**  
**NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG**





**Thành phần:** Sữa bò tươi 97%, đường, khoáng chất (sắt, kẽm), vitamin D.

**Thông tin dinh dưỡng:** Xem trên nhãn chính.

**Hướng dẫn sử dụng:** Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.

**Bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát và tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở hộp, bảo quản lạnh dưới 4°C và dùng trong vòng 3 ngày.

**Lưu ý:** Sản phẩm sữa. Không dùng cho người dị ứng với sữa.

**Sản xuất tại:** PACTUM DAIRY GROUP Pty. Ltd.

Địa chỉ: 1/102 Old Dookie Road, Shepparton, Victoria, 3630 Australia.

**Cho:** NOUMI TRADING Pty. Ltd.

Địa chỉ: 80 Box Road, Taren Point, NSW 2229 Australia.

**Xuất xứ:** Úc.

**Nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm sản phẩm:** Công ty TNHH DKSH Việt Nam, số 23, Đại lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương. **Hotline:** 1800 545405.

**Số bản tự CBSP:** 71/DKSH VN/2022.

**Thể tích thực:** 600 mL (3 hộp x 200 mL)

Hộp 200 mL

**NSX:** Xem PD (ngày tháng năm) trên bao bì.

**HSD:** Sử dụng tốt nhất trước: xem BEST BEFORE (ngày tháng năm) trên bao bì. (JAN=01, FEB=02, MAR=03, APR=04, MAY=05, JUN=06, JUL=07, AUG=08, SEP=09, OCT=10, NOV=11, DEC=12).



Box World Sdn. Bhd.  
Lot 1001, Katil Road,  
Ponding Industrial Estate  
93450 Kuching,  
Sarawak, Malaysia.



|                                                                                                              |                                                               |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br>© Copyright Noumi LTD | Packaging Code: <b>85260</b><br>SKU Code: <b>-</b>            | Brand: <b>Australia's Own</b><br>Packaging Type: <b>Carton</b>                         | Pack Size: <b>200ml</b><br>Barcode Number: <b>9 315090 213966</b>                | <b>Final</b><br><br><b>ARTWORK VERSION</b><br><br><b>DATE</b><br><b>23/05/2022</b> | <b>IMPORTANT PRINTER'S INSTRUCTIONS FOR SUPPLYING PDF PROOFS:</b><br><br><b>Do not submit a PDF Proof unless the following information is included on it.</b><br><br><b>PDF PROOF CHECKLIST:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ensure all dimensions (Major &amp; Minor) match to the Print Ready Artwork supplied</li> <li>- Indicate Colour Separations according to the Print Ready Artwork supplied</li> <li>- Indicate Bar Code Size</li> <li>- <b>Barcodes:</b> All barcodes are positional only. It is the responsibility of the Printer to strip in the barcode and ensure that barcodes will print and scan according to GS1 Standards</li> <li>- <b>Before sending PDF Proof, please check that resolution is acceptable for viewing</b></li> </ul> |
|                                                                                                              | Deline No: <b>Tetra Pak 1901</b><br>Production Site: <b>-</b> | Product: <b>Fresh Milk 200ml - ILLUSTRATION 2</b><br>Artworker: <b>VANGUARD STUDIO</b> | Barcode Size: <b>Magnification factor 0.80</b><br>Substrate Colour: <b>WHITE</b> |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                                                                                                              | Vanguard Studio Job No: <b>11929</b>                          |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

|                                                                                                                 |                                                                                     |                                                                                                               |                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>COLOUR LIST</b><br>Any special colour listed in this on the PANTONE matching system unless stated otherwise. |  | <b>PROCESS COLOURS</b><br> | <b>SPOT COLOURS</b><br> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>PLEASE NOTE:</b><br>This artwork is for copy, content and layout purposes only. Not to be used for colour approval.<br>Vanguard Group has quality checked this artwork and information for complete accuracy. Ownership of the final approval for content, layout, text and spelling is the client's responsibility.<br>Please review all areas for inaccuracies, omissions or errors before committing to final approval. | <b>GLOSS EMBELLISHMENT</b><br> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>LICENCED ASSETS DISCLAIMER:</b> Licenced Imagery and Fonts used in this artwork are for reproduction purposes only and must not be used to create additional works or be used in any way other than originally intended. Vanguard Group assumes the End User will adhere to applicable copyright laws. |  <b>Homebush Business Village, Unit 14 (Ground Floor), T1 - 21 Underwood Road, Homebush, NSW 2140 Australia  </b> <a href="mailto:studio@vanguardgroup.com.au">studio@vanguardgroup.com.au</a>   +61 2 8948 2536   <a href="http://vanguardgroup.com.au">vanguardgroup.com.au</a> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|





SHAKE  
BEFORE  
EACH USE

Manufactured by Pactum Dairy Group  
Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd  
80 Box Rd, Taren Point,  
NSW 2229 Australia  
Freecall Australia: 1800 646 231  
Freecall New Zealand: 0800 448 725  
International: +61 2 9526 2555  
EST Number: 2154



Imported and distributed into Asia by:

**Noumi Singapore Pte. Ltd.**

26 Eng Hoon Street, Singapore 169776

**Box World Sdn. Bhd.**

Lot 1001, Keluli Road,  
Pending Industrial Estate,  
93450 Kuching,  
Sarawak, Malaysia.

**Federated Distributors, Inc.**

FDI BLDG., Veronica de Leon Street,  
Cor. Queensway Avenue, Sto. Nino,  
Paranaque, Metro Manila, Philippines.

**Carton**



**Check locally**

## Straw



arl.org.au



**Made in Australia from at least 99% Australian ingredients**

# Australia's EST. Own 1995

**FRESH  
MILK UHT**



**PREMIUM  
QUALITY**

# MIGHTY MILK



FRESH MILK UHT

**PROTEIN  
CALCIUM  
IRON**

## NUTRI-GRADE

A B **C** D 2% sugar

**2%**  
sugar

200 mL

3032

CÔNG  
TỈNH  
ĐKS  
ỆT N

4N-T.B



Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1    Serving Size: 200 mL

|                     | Per<br>100mL | Per<br>Serve | %DI* Per<br>Serve |
|---------------------|--------------|--------------|-------------------|
| Energy (kJ)         | 310          | 620          | 7                 |
| Energy (Cal)        | 74           | 148          |                   |
| Protein (g)         | 3.3          | 6.6          | 13                |
| Fat, Total (g)      | 3.6          | 7.2          | 10                |
| - Saturated Fat (g) | 2.6          | 5.3          | 22                |
| - Trans Fat (g)     | 0.1          | 0.2          |                   |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1         | 26.2         |                   |
| Carbohydrates (g)   | 6.4          | 12.8         | 4                 |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0          | 0.0          | 0                 |
| - Sugars (g)        | 6.4          | 12.8         | 14                |
| - Lactose (g)       | 4.9          | 9.7          |                   |
| - Galactose (g)     | 0.0          | 0.0          |                   |
| Sodium (mg)         | 33           | 66           | 3                 |
| Calcium (mg)        | 120          | 240          | 30                |
| Vitamin A (ug) †    | 34           | 68           | 9                 |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16         | 0.32         | 19                |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40         | 0.80         | 16                |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17         | 0.34         | 17                |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90         | 3.80         | 38                |
| Iodine (ug)**       | 30.0         | 60.0         | 50                |
| Iron (mg)           | 1.30         | 2.60         | 22                |
| Phosphorus (mg)     | 93           | 186          | 19                |
| Zinc (mg)           | 1.20         | 2.40         | 20                |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.



THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY  
PRINTER TO STRIP IN BARCODE

BARCODE No: 9 315090 213966



Fueling  
active  
bodies to  
be their  
mighty  
best

FRESH  
AUSTRALIAN  
MILK UHT



Protein  
For Muscle  
Growth



Vitamin B2  
For Energy



Calcium  
For Strong Bones  
& Muscles



Zinc  
Essential For  
Growth



Vitamin D  
To Promote  
Calcium Absorption

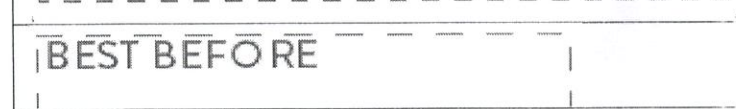
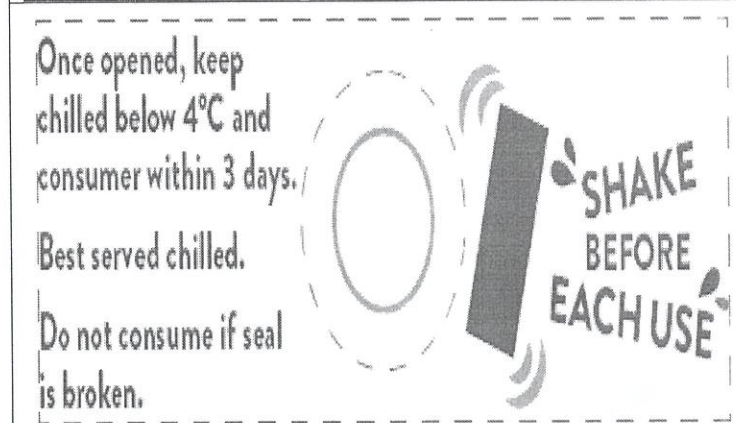
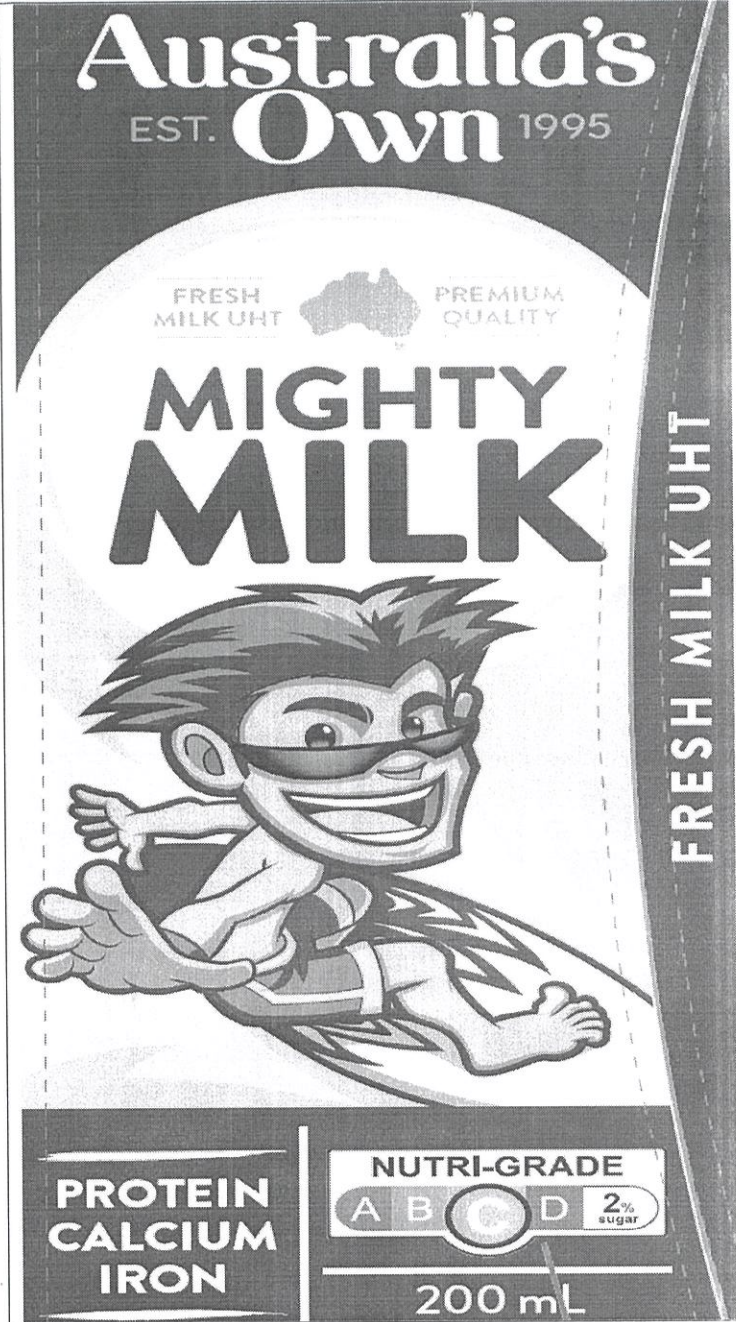


MIX  
Board

FSC® C014047







Australia's Own  
Thành lập từ năm 1995

Sữa tươi tiệt trùng UHT      Chất lượng cao

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG MIGHTY MILK

PROTEIN  
CANXI  
SẮT

| CẤP ĐỘ DINH DƯỠNG |   |   |   |          |
|-------------------|---|---|---|----------|
| A                 | B | C | D | 2% Đường |
| 200 mL            |   |   |   |          |



Sau khi mở hộp, bảo quản lạnh dưới 4°C và dùng trong vòng 3 ngày.

Ngon hơn khi uống lạnh.

Không dùng khi niêm phong bị hư hỏng Lắc đều trước khi dùng.

Sử dụng tốt nhất trước



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>noumi</b></p> <p>Manufactured by Pactum Dairy Group<br/>Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd<br/>80 Box Rd, Taren Point,<br/>NSW 2229 Australia<br/>Freecall Australia: 1800 646 231<br/>Freecall New Zealand: 0800 448 725<br/>International: +61 2 9526 2555<br/>EST Number: 2154</p>                                                                                                                                      | <p>Sản xuất bởi Pactum Dairy Group<br/>Pty Ltd cho Noumi Trading Pty Ltd<br/>80 Box Rd, Taren Point,<br/>NSW 2229 Australia<br/>Freecall Úc: 1800 646 231<br/>Freecall New Zealand: 0800 448 725<br/>Quốc tế: +61 2 9526 2555<br/>Số EST: 2154</p>                                                                                                                                                                                    |
| <p><b>australiasownfoods.com.au</b></p> <p><b>f</b> <b>@</b></p> <p><b>Proudly made in Australia and<br/>exported to the world</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>australiasownfoods.com.au<br/>Facebook/ Instagram</p> <p><b>Tự hào là sản phẩm được sản xuất tại<br/>Úc và xuất khẩu ra thế giới</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <p>Imported and distributed into Asia by:<br/><b>Noumi Singapore Pte. Ltd.</b><br/>26 Eng Hoon Street, Singapore 169776<br/><b>Box World Sdn. Bhd.</b><br/>Lot 1001, Keluli Road,<br/>Pending Industrial Estate,<br/>93450 Kuching,<br/>Sarawak, Malaysia.<br/><b>Federated Distributors, Inc.</b><br/>FDI BLDG., Veronica de Leon Street,<br/>Cor. Queensway Avenue, Sto. Nino,<br/>Paranaque, Metro Manila, Philippines.</p>  | <p>Nhập khẩu và phân phối vào Châu Á bởi:<br/><b>Công ty tư nhân TNHH Noumi Singapore</b><br/>Đường 26 Eng Hoon, Singapore 169776<br/><b>Box World Sdn. Bhd</b><br/>Lot 1001, Đường Keluli, Khu công nghiệp<br/>Pending, 93450 Kuching, Sarawak,<br/>Malaysia.<br/><b>Tập đoàn Federated Distributors</b><br/>Tòa nhà FDI, Đường Veronica de LeAH<br/>Đại lộ Cor. Queensway, Sto. Nino,<br/>Paranaque, Metro Manila, Philippines.</p> |
| <p><b>Carton</b> <b>Straw</b> <b>arl.org.au</b></p> <p> <b>Check locally</b></p> <p></p> <p> <b>Made in Australia from at least<br/>99% Australian ingredients</b></p> | <p>Hộp giấy cứng<br/>Có thể tái chế<br/>Ống hút<br/>Sản xuất tại Úc với ít nhất 99% nguyên<br/>liệu từ Úc</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1    Serving Size: 200 mL

|                     | Per<br>100mL | Per<br>Serve | %DI* Per<br>Serve |
|---------------------|--------------|--------------|-------------------|
| Energy (kJ)         | 310          | 620          | 7                 |
| Energy (Cal)        | 74           | 148          |                   |
| Protein (g)         | 3.3          | 6.6          | 13                |
| Fat, Total (g)      | 3.6          | 7.2          | 10                |
| - Saturated Fat (g) | 2.6          | 5.3          | 22                |
| - Trans Fat (g)     | 0.1          | 0.2          |                   |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1         | 26.2         |                   |
| Carbohydrates (g)   | 6.4          | 12.8         | 4                 |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0          | 0.0          | 0                 |
| - Sugars (g)        | 6.4          | 12.8         | 14                |
| - Lactose (g)       | 4.9          | 9.7          |                   |
| - Galactose (g)     | 0.0          | 0.0          |                   |
| Sodium (mg)         | 33           | 66           | 3                 |
| Calcium (mg)        | 120          | 240          | 30                |
| Vitamin A (ug) †    | 34           | 68           | 9                 |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16         | 0.32         | 19                |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40         | 0.80         | 16                |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17         | 0.34         | 17                |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90         | 3.80         | 38                |
| Iodine (ug)**       | 30.0         | 60.0         | 50                |
| Iron (mg)           | 1.30         | 2.60         | 22                |
| Phosphorus (mg)     | 93           | 186          | 19                |
| Zinc (mg)           | 1.20         | 2.40         | 20                |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve.

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

**Ingredients:** milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

**Contains:** milk.

Sữa tiệt trùng UHT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Số khẩu phần trong mỗi hộp: 1  
Kích cỡ của 1 khẩu phần: 200 mL

|                              | Trong<br>100mL | Trong<br>một<br>khẩu<br>phần | %DI*<br>trong<br>một<br>khẩu<br>phần |
|------------------------------|----------------|------------------------------|--------------------------------------|
| Năng lượng (kJ)              | 310            | 620                          | 7                                    |
| Năng lượng (Cal)             | 74             | 148                          |                                      |
| Protein (g)                  | 3.3            | 6.6                          | 13                                   |
| Chất béo tổng (g)            | 3.6            | 7.2                          | 10                                   |
| - Chất béo bão<br>hoà (g)    | 2.6            | 5.3                          | 22                                   |
| - Chất béo<br>chuyển hóa (g) | 0.1            | 0.2                          |                                      |
| - Cholesterol (g)            | 13.1           | 26.2                         |                                      |
| Carbohydrate (g)             | 6.4            | 12.8                         | 4                                    |
| -Chất xơ (g)                 | 0.0            | 0.0                          | 0                                    |
| -Đường (g)                   | 6.4            | 12.8                         | 14                                   |
| -Lactose (g)                 | 4.9            | 9.7                          |                                      |
| -Galactose (g)               | 0.0            | 0.0                          |                                      |
| Natri (mg)                   | 33 g           | 66                           | 3                                    |
| Canxi (mg)                   | 120            | 240                          | 30                                   |
| Vitamin A (ug)               | 34             | 68                           | 9                                    |
| Vitamin B2 (mg)              | 0.16           | 0.32                         | 19                                   |
| Vitamin B5 (mg)              | 0.40           | 0.80                         | 16                                   |
| Vitamin B12<br>(mg)          | 0.17           | 0.34                         | 17                                   |
| Vitamin D3 (mg)              | 1.90           | 3.80                         | 38                                   |
| Iodine (ug)**                | 30.0           | 60.0                         | 50                                   |
| Sắt (mg)                     | 1.30           | 2.60                         | 22                                   |
| Phospho (mg)                 | 93             | 186                          | 19                                   |
| Kẽm (mg)                     | 1.20           | 2.40                         | 20                                   |

Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\*Phần trăm lượng tiêu thụ hằng ngày dựa trên chế độ ăn trung bình 8700kJ của người lớn.

\*\*Lượng khuyến nghị Iodine từ Giá trị dinh dưỡng tham chiếu của NHMRC (2006) cho trẻ dưới 13 tuổi

**Thành phần:** sữa, đường, chất khoáng (sắt, kẽm), vitamin D.

**Sản phẩm chứa sữa**



|                                                                                                                                                                                            |  |                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY<br/>PRINTER TO STRIP IN BARCODE</p> <p><b>BARCODE No: 9 315090 213966</b></p>                                                                         |  | <p>Barcode này sử dụng máy in vị trí để tạo<br/>dải mã vạch.<br/>Barcode số: 9315090213966</p> |
| <p><b>Fueling<br/>active<br/>bodies to<br/>be their<br/>mighty<br/>best</b></p>                                                                                                            |  | <p>Cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động<br/>và trở nên khỏe mạnh</p>                       |
| <p><b>FRESH<br/>AUSTRALIAN<br/>MILK UHT<br/>Protein<br/>For Muscle<br/>Growth</b></p> <p><b>Vitamin B2<br/>For Energy</b></p> <p><b>Calcium<br/>For Strong Bones<br/>&amp; Muscles</b></p> |  | <p>Sữa tươi tiệt trùng UHT từ Úc</p>                                                           |
|                                                                                                                                                                                            |  | <p>Protein<br/>Hỗ trợ phát triển cơ bắp</p>                                                    |
|                                                                                                                                                                                            |  | <p>Vitamin B2<br/>Cung cấp năng lượng</p>                                                      |
|                                                                                                                                                                                            |  | <p>Canxi<br/>Giúp xương &amp; cơ bắp chắc khỏe</p>                                             |

**Zinc**  
**Essential For**  
**Growth**  
**Vitamin D**  
**To Promote**  
**Calcium Absorption**

**FSC**

**MIX**  
**Board**

**FSC® C014047**

Kẽm  
Cần thiết cho sự phát triển

Vitamin D  
Thúc đẩy hấp thụ canxi

Cơ quan và cổ vấn chứng nhận Halal của Úc.

|     |             |
|-----|-------------|
|     | MIX         |
|     | Giấy        |
| FSC | FSC C014047 |



LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 30 tháng 09 năm 2022 (ngày ba mươi, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai ); Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 155 Dương Văn Bé, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

Tôi, **Vũ Nam**, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Bà **Bùi Thị Thanh**, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội dịch từ tiếng **Anh** sang tiếng **Việt**;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Bà **Bùi Thị Thanh**;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành                      bản chính, mỗi bản gồm .... tờ, .... trang, lưu **01** bản Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội.

Số công chứng 111111, quyền số 02/2022TP/CC-SCC/BD

NGƯỜI DỊCH

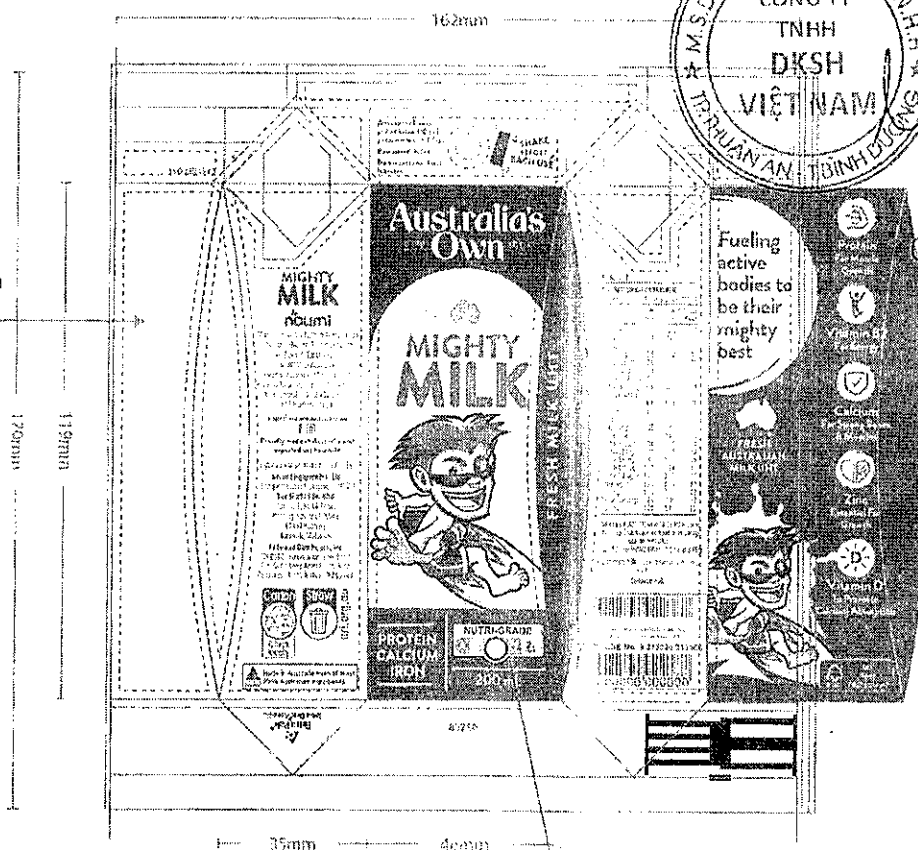
CÔNG CHỨNG VIÊN

  
**Bùi Thị Thanh**



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Vũ Nam*

HUỲNH THỊ MỸ YẾN  
QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM  
NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG

Minimum of 0.4 items for JNC with  $\alpha \geq .55$ 

|                                                                                                                                        |                                                                                     |                                                                                     |                                |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|
|                                                     |                                                                                     | Brand                                                                               | Australia's Own                | Work Type         | Legend                 | ARTWORK VERSION                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| Product Name                                                                                                                           |                                                                                     | Packaging Type                                                                      | Carton                         | Barcode Number    | 9 35990 2 3346         | <b>Final</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| Product No.                                                                                                                            | Testa Pak 101                                                                       | Product                                                                             | Final MR 2001 - ILLUSTRATION 2 | Product Name      | Illustration test 0.60 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| Manufacturer                                                                                                                           |                                                                                     | Activated                                                                           | WANGUARD STUDIO                | Production Colour | WHITE                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| Vanguard Studio Job No.                                                                                                                | 15120                                                                               |                                                                                     |                                |                   |                        | DATE<br>23/05/2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| <table border="1"> <tr> <td>BAR 1</td> <td rowspan="2">SIZE</td> <td rowspan="2">CUTLINE</td> </tr> <tr> <td>BAR 1</td> </tr> </table> |                                                                                     | BAR 1                                                                               | SIZE                           | CUTLINE           | BAR 1                  | <b>PROCESS COLOURS</b><br><table border="1"> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cyan</td> <td>Magenta</td> <td>Yellow</td> </tr> </table> |  |  |  |  | Cyan | Magenta | Yellow | <b>SPOT COLOURS</b><br><table border="1"> <tr> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Pantone</td> <td>Black</td> </tr> </table> |  |  |  | Pantone | Black | <b>GLOBAL EMBELLISHMENT</b><br><table border="1"> <tr> <td>Font</td> <td>Size</td> </tr> </table> | Font | Size |
| BAR 1                                                                                                                                  | SIZE                                                                                | CUTLINE                                                                             |                                |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| BAR 1                                                                                                                                  |                                                                                     |                                                                                     |                                |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
|                                                     |  |  |                                |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| Cyan                                                                                                                                   | Magenta                                                                             | Yellow                                                                              |                                |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
|                                                     |  |                                                                                     |                                |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| Pantone                                                                                                                                | Black                                                                               |                                                                                     |                                |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |
| Font                                                                                                                                   | Size                                                                                |                                                                                     |                                |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |      |         |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                     |                                                                                     |         |       |                                                                                                   |      |      |

**COLOUR LIST**  
Any special colour listed  
is from the PANTONE®  
matching system, unless  
noted otherwise.

**PLEASE NOTE:**

This network is for peer-to-peer and local purposes only. It is not to be used for public access.  
Vanguard Group has quality checked this network and information for general accuracy. On-chain is the final approval for a record. It is not to be used for public access. Please review all areas for inaccuracies, omissions or errors before continuing to local approval.

LICENSED ASSETS DISCLAIMER: Logos and Images used in this artwork are for reproduction purposes only and must not be used to create additional marks or to be used in any way that is not expressly intended. Vanguard Group assumes the full liability where it appears to replicate or imitate font.

 **vanguard** Homebush Business Village, Unit 4 (Ground floor), B-24 Underwood Road, Homebush, NSW 2148 Australia | 55001771 | [enquiries@vanguard.com.au](mailto:enquiries@vanguard.com.au) | +61 2 8242 4 35 | [www.vanguard.com.au](http://www.vanguard.com.au)

## Final

DATE \_\_\_\_\_  
BY \_\_\_\_\_

WILSON, KIMBLE, AND MURPHY

400 2000  
 200 1000  
 0 0





Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1    Serving Size: 200 mL

|                     | Per<br>100mL | Per<br>Serve | %DI* Per<br>Serve |
|---------------------|--------------|--------------|-------------------|
| Energy (kJ)         | 310          | 620          | 7                 |
| Energy (Cal)        | 74           | 148          |                   |
| Protein (g)         | 3.3          | 6.6          | 13                |
| Fat, Total (g)      | 3.6          | 7.2          | 10                |
| - Saturated Fat (g) | 2.6          | 5.3          | 22                |
| - Trans Fat (g)     | 0.1          | 0.2          |                   |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1         | 26.2         |                   |
| Carbohydrates (g)   | 6.4          | 12.8         | 4                 |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0          | 0.0          | 0                 |
| - Sugars (g)        | 6.4          | 12.8         | 14                |
| - Lactose (g)       | 4.9          | 9.7          |                   |
| - Galactose (g)     | 0.0          | 0.0          |                   |
| Sodium (mg)         | 33           | 66           | 3                 |
| Calcium (mg)        | 120          | 240          | 30                |
| Vitamin A (ug) †    | 34           | 68           | 9                 |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16         | 0.32         | 19                |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40         | 0.80         | 16                |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17         | 0.34         | 17                |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90         | 3.80         | 38                |
| Iodine (ug)**       | 30.0         | 60.0         | 50                |
| Iron (mg)           | 1.30         | 2.60         | 22                |
| Phosphorus (mg)     | 93           | 186          | 19                |
| Zinc (mg)           | 1.20         | 2.40         | 20                |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

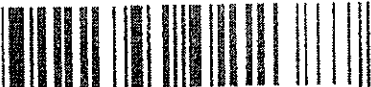
Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.



THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY  
PRINTER TO STRIP IN BARCODE

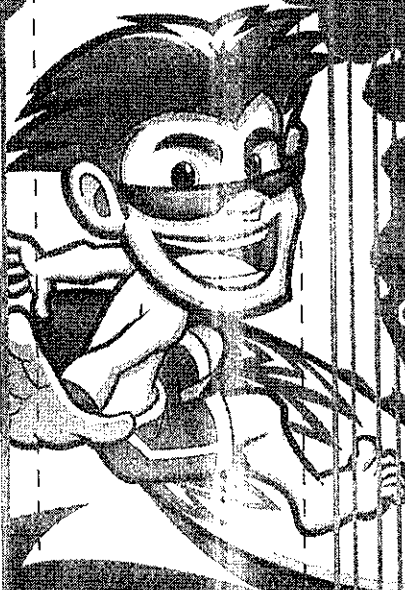
BARCODE No: 9 315090 213966



0 000000 000000

Fueling  
active  
bodies to  
be their  
mighty  
best

FRESH  
AUSTRALIAN  
MILK UHT



Protein  
For Muscle  
Growth



Vitamin B2  
For Energy



Calcium  
For Strong Bones  
& Muscles



Zinc  
Essential For  
Growth



Vitamin D  
To Promote  
Calcium Absorption



MIX  
Board

FSC FSC® C014047





|                                |                                            |                                         |                                         |                                                            |
|--------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|                                | Packaging Code: 85250                      | Brand: Australia's Own                  | Pack Size: 200ml                        | <b>ARTWORK VERSION</b><br><b>Final</b><br>DATE: 23/05/2022 |
| SKU Code: -                    | Packaging Type: Carton                     | Barcode Number: 9 315090 213966         | Barcode Size: Magnification factor 0.80 |                                                            |
| Dieline No.: Tetra Pak 1901    | Product: Fresh Milk 200ml - ILLUSTRATION 3 | Barcode Size: Magnification factor 0.80 | Substrate Colour: WHITE                 |                                                            |
| Production Site: -             | Artworker: VANGUARD STUDIO                 |                                         |                                         |                                                            |
| Vanguard Studio Job No.: 11925 |                                            |                                         |                                         |                                                            |

**COLOUR LIST**

Any special colour listed is from the PANTONE® matching system unless stated otherwise.

SAFE AREA

SIZE

DIELINE

**PROCESS COLOURS**

Cyan Magenta Yellow

**SPOT COLOURS**

PMS 349C PMS 349C

**GLOSS EMBELLISHMENT**

Mat. Gloss

Not Specified

**PLEASE NOTE:**

This artwork is for copy, content and layout purposes only. Not to be used for colour approval.

Vanguard Group has quality checked this artwork and information for complete accuracy. Ownership of the final approval for content, layout, text and spelling is the client's responsibility. Please review all areas for inaccuracies, omissions or errors before committing to final approval.

**LICENCED ASSETS DISCLAIMER:** Licenced Imagery and Fonts used in this artwork are for reproduction purposes only and must not be used to create additional works or be used in any way other than originally intended. Vanguard Group assumes the End User will adhere to applicable copyright laws.

**IMPORTANT PRINTER'S INSTRUCTIONS FOR SUPPLYING PDF PROOFS:**

Do not submit a PDF Proof unless the following information is included on it.

**PDF PROOF CHECKLIST:**

- Ensure all dimensions (Major & Minor) match to the Print Ready Artwork supplied
- Indicate Colour Separations according to the Print Ready Artwork supplied
- Indicate Bar Code Size
- Barcodes: All barcodes are positional only. It is the responsibility of the Printer to strip in the barcode and ensure that barcodes will print and scan according to GS1 Standards
- Before sending PDF Proof, please check that resolution is acceptable for viewing

**PLEASE NOTE:** THIS ARTWORK IS FOR COPY, CONTENT AND LAYOUT ONLY. NOT TO BE USED FOR COLOUR APPROVAL.



Once opened, keep chilled below 4°C and consumer within 3 days.  
Best served chilled.  
Do not consume if seal is broken.

**SHAKE BEFORE EACH USE**

**Australia's Own**  
EST. 1995

FRESH MILK UHT PREMIUM QUALITY

**MIGHTY MILK**

**FRESH MILK UHT**

**MIGHTY MILK**  
**noumi**

Manufactured by Pactum Dairy Group Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd  
80 Box Rd, Taren Point, NSW 2229 Australia  
Freecall Australia: 1800 646 231  
Freecall New Zealand: 0800 448 725  
International: +61 2 9526 2555  
EST Number: 2154  
[australiasownfoods.com.au](http://australiasownfoods.com.au)  
f @  
Proudly made in Australia and exported to the world  
Imported and distributed into Asia by:  
**Noumi Singapore Pte. Ltd.**  
26 Eng Hoon Street, Singapore 169776  
**Box World Sdn. Bhd.**  
Lot 1001, Keluli Road, Pending Industrial Estate, 93450 Kuching, Sarawak, Malaysia.  
**Federated Distributors, Inc.**  
FDI BLDG., Veronica de Leon Street, Cor. Queensway Avenue, Sto. Nino, Paranaque, Metro Manila, Philippines.

**Carton**  
Check locally

**Straw**  
ar1.org.au

Made in Australia from at least 99% Australian ingredients

**PROTEIN CALCIUM IRON**

**NUTRI-GRADE**  
A B C D 2% sugar

200 mL

0303  
CÔNG  
TNH  
DKS  
IỆT N  
AN - T.E



Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1 Serving Size: 200 mL

|                     | Per<br>100mL | Per<br>Serve | %DI* Per<br>Serve |
|---------------------|--------------|--------------|-------------------|
| Energy (kJ)         | 310          | 620          | 7                 |
| Energy (Cal)        | 74           | 148          |                   |
| Protein (g)         | 3.3          | 6.6          | 13                |
| Fat, Total (g)      | 3.6          | 7.2          | 10                |
| - Saturated Fat (g) | 2.6          | 5.3          | 22                |
| - Trans Fat (g)     | 0.1          | 0.2          |                   |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1         | 26.2         |                   |
| Carbohydrates (g)   | 6.4          | 12.8         | 4                 |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0          | 0.0          | 0                 |
| - Sugars (g)        | 6.4          | 12.8         | 14                |
| - Lactose (g)       | 4.9          | 9.7          |                   |
| - Galactose (g)     | 0.0          | 0.0          |                   |
| Sodium (mg)         | 33           | 66           | 3                 |
| Calcium (mg)        | 120          | 240          | 30                |
| Vitamin A (ug) †    | 34           | 68           | 9                 |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16         | 0.32         | 19                |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40         | 0.80         | 16                |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17         | 0.34         | 17                |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90         | 3.80         | 38                |
| Iodine (ug)**       | 30.0         | 60.0         | 50                |
| Iron (mg)           | 1.30         | 2.60         | 22                |
| Phosphorus (mg)     | 93           | 186          | 19                |
| Zinc (mg)           | 1.20         | 2.40         | 20                |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.



THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY  
PRINTER TO STRIP IN BARCODE

BARCODE No: 9 315090 213966



Fueling  
active  
bodies to  
be their  
mighty  
best



FRESH  
AUSTRALIAN  
MILK UHT



Protein  
For Muscle  
Growth



Vitamin B2  
For Energy



Calcium  
For Strong Bones  
& Muscles



Zinc  
Essential For  
Growth



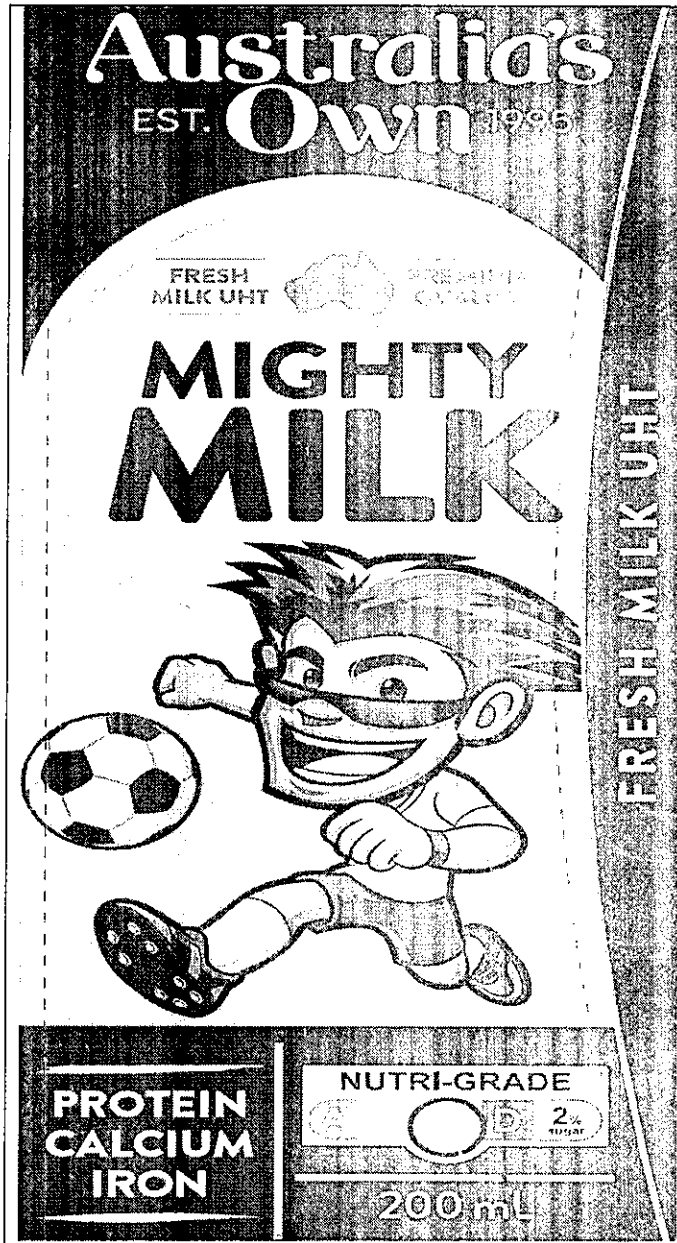
Vitamin D  
To Promote  
Calcium Absorption



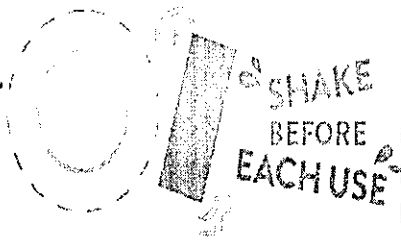
MIX  
Board

FSC® C014047





Once opened, keep chilled below 4°C and consumer within 3 days.  
Best served chilled.  
Do not consume if seal is broken.



BEST BEFORE

Australia's Own  
Thành lập từ năm 1995

Sữa tươi tiệt trùng UHT      Chất lượng cao

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG MIGHTY MILK

PROTEIN  
CANXI  
SẮT

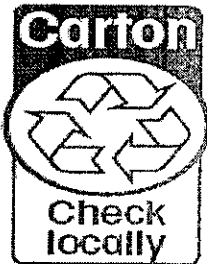
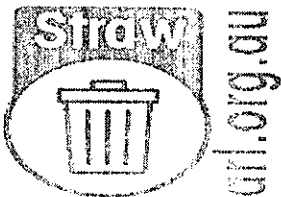
| CẤP ĐỘ DINH DƯỠNG |   |   |   |          |
|-------------------|---|---|---|----------|
| A                 | B | C | D | 2% Đường |
| 200 mL            |   |   |   |          |

Sau khi mở hộp, bảo quản lạnh dưới 4°C và dùng trong vòng 3 ngày.

Ngon hơn khi uống lạnh.

Không dùng khi niêm phong bị hư hỏng Lắc đều trước khi dùng.

Sử dụng tốt nhất trước

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br>Manufactured by Pactum Dairy Group<br>Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd<br>80 Box Rd, Taren Point,<br>NSW 2229 Australia<br>Freecall Australia: 1800 646 231<br>Freecall New Zealand: 0800 448 725<br>International: +61 2 9526 2555<br>EST Number: 2154                                           | Sản xuất bởi Pactum Dairy Group<br>Pty Ltd cho Noumi Trading Pty Ltd<br>80 Box Rd, Taren Point,<br>NSW 2229 Australia<br>Freecall Úc: 1800 646 231<br>Freecall New Zealand: 0800 448 725<br>Quốc tế: +61 2 9526 2555<br>Số EST: 2154                                                                                                                                                               |
| <a href="http://australiasownfoods.com.au">australiasownfoods.com.au</a><br> <br>Proudly made in Australia and<br>exported to the world                                                                               | <a href="http://australiasownfoods.com.au">australiasownfoods.com.au</a><br>Facebook/ Instagram<br><br>Tự hào là sản phẩm được sản xuất tại<br>Úc và xuất khẩu ra thế giới                                                                                                                                                                                                                         |
| Imported and distributed into Asia by:<br>Noumi Singapore Pte. Ltd.<br>26 Eng Hoon Street, Singapore 169776<br>Box World Sdn. Bhd.<br>Lot 1001, Keluli Road,<br>Pending Industrial Estate,<br>93450 Kuching,<br>Sarawak, Malaysia.<br>Federated Distributors, Inc.<br>FDI BLDG., Veronica de Leon Street,<br>Cor. Queensway Avenue, Sto. Nino,<br>Paranaque, Metro Manila, Philippines. | Nhập khẩu và phân phối vào Châu Á bởi:<br>Công ty tư nhân TNHH Noumi<br>Singapore<br>Đường 26 Eng Hoon, Singapore 169776<br>Box World Sdn. Bhd<br>Lot 1001, Đường Keluli, Khu công nghiệp<br>Pending, 93450 Kuching, Sarawak,<br>Malaysia.<br>Tập đoàn Federated Distributors<br>Tòa nhà FDI, Đường Veronica de LeAH<br>Đại lộ Cor. Queensway, Sto. Nino,<br>Paranaque, Metro Manila, Philippines. |
|  <br> Made in Australia from at least<br>99% Australian ingredients                                                            | Hộp giấy cứng<br>Có thể tái chế<br>Ống hút<br>Sản xuất tại Úc với ít nhất 99% nguyên<br>liệu từ Úc                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |



Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1 Serving Size: 200 mL

|                     | Per<br>100mL | Per<br>Serve | %DI* Per<br>Serve |
|---------------------|--------------|--------------|-------------------|
| Energy (kJ)         | 310          | 620          | 7                 |
| Energy (Cal)        | 74           | 148          |                   |
| Protein (g)         | 3.3          | 6.6          | 13                |
| Fat, Total (g)      | 3.6          | 7.2          | 10                |
| - Saturated Fat (g) | 2.6          | 5.3          | 22                |
| - Trans Fat (g)     | 0.1          | 0.2          |                   |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1         | 26.2         |                   |
| Carbohydrates (g)   | 6.4          | 12.8         | 4                 |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0          | 0.0          | 0                 |
| - Sugars (g)        | 6.4          | 12.8         | 14                |
| - Lactose (g)       | 4.9          | 9.7          |                   |
| - Galactose (g)     | 0.0          | 0.0          |                   |
| Sodium (mg)         | 33           | 66           | 3                 |
| Calcium (mg)        | 120          | 240          | 30                |
| Vitamin A (ug) †    | 34           | 68           | 9                 |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16         | 0.32         | 19                |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40         | 0.80         | 16                |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17         | 0.34         | 17                |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90         | 3.80         | 38                |
| Iodine (ug)**       | 30.0         | 60.0         | 50                |
| Iron (mg)           | 1.30         | 2.60         | 22                |
| Phosphorus (mg)     | 93           | 186          | 19                |
| Zinc (mg)           | 1.20         | 2.40         | 20                |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve.

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.

Sữa tiệt trùng UHT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Số khẩu phần trong mỗi hộp: 1

Kích cỡ của 1 khẩu phần: 200 mL

|                              | Trong<br>100mL | Trong<br>một<br>khẩu<br>phần | %DI*<br>trong<br>một<br>khẩu<br>phần |
|------------------------------|----------------|------------------------------|--------------------------------------|
| Năng lượng (kJ)              | 310            | 620                          | 7                                    |
| Năng lượng (Cal)             | 74             | 148                          |                                      |
| Protein (g)                  | 3.3            | 6.6                          | 13                                   |
| Chất béo tổng (g)            | 3.6            | 7.2                          | 10                                   |
| - Chất béo bão<br>hoà (g)    | 2.6            | 5.3                          | 22                                   |
| - Chất béo<br>chuyển hóa (g) | 0.1            | 0.2                          |                                      |
| - Cholesterol (g)            | 13.1           | 26.2                         |                                      |
| Carbohydrate (g)             | 6.4            | 12.8                         | 4                                    |
| - Chất xơ (g)                | 0.0            | 0.0                          | 0                                    |
| - Đường (g)                  | 6.4            | 12.8                         | 14                                   |
| - Lactose (g)                | 4.9            | 9.7                          |                                      |
| - Galactose (g)              | 0.0            | 0.0                          |                                      |
| Natri (mg)                   | 33 g           | 66                           | 3                                    |
| Canxi (mg)                   | 120            | 240                          | 30                                   |
| Vitamin A (ug)               | 34             | 68                           | 9                                    |
| Vitamin B2 (mg)              | 0.16           | 0.32                         | 19                                   |
| Vitamin B5 (mg)              | 0.40           | 0.80                         | 16                                   |
| Vitamin B12<br>(mg)          | 0.17           | 0.34                         | 17                                   |
| Vitamin D3 (mg)              | 1.90           | 3.80                         | 38                                   |
| Iodine (ug)**                | 30.0           | 60.0                         | 50                                   |
| Sắt (mg)                     | 1.30           | 2.60                         | 22                                   |
| Phospho (mg)                 | 93             | 186                          | 19                                   |
| Kẽm (mg)                     | 1.20           | 2.40                         | 20                                   |

Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\*Phần trăm lượng tiêu thụ hằng ngày dựa trên chế độ ăn trung bình 8700kJ của người lớn.

\*\*Lượng khuyến nghị Iodine từ Giá trị dinh dưỡng tham chiếu của NHMRC (2006) cho trẻ dưới 13 tuổi

Thành phần: sữa, đường, chất khoáng (sắt, kẽm), vitamin D.

Sản phẩm chứa sữa

|                                                                                                             |  |                                                                                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY<br/>PRINTER TO STRIP IN BARCODE</p> <p>BARCODE No: 9 315090 213966</p> |  | <p>Barcode này sử dụng máy in vị trí để tạo<br/>dải mã vạch.<br/>Barcode số: 9315090213966</p> |
| <p>Fueling<br/>active<br/>bodies to<br/>be their<br/>mighty<br/>best</p>                                    |  | <p>Cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động<br/>và trở nên khỏe mạnh</p>                       |
| <p>FRESH<br/>AUSTRALIAN<br/>MILK UHT</p>                                                                    |  | <p>Sữa tươi tiệt trùng UHT từ Úc</p>                                                           |
| <p>Protein<br/>For Muscle<br/>Growth</p>                                                                    |  | <p>Protein<br/>Hỗ trợ phát triển cơ bắp</p>                                                    |
| <p>Vitamin B2<br/>For Energy</p>                                                                            |  | <p>Vitamin B2<br/>Cung cấp năng lượng</p>                                                      |

|                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                             |                                        |     |  |      |     |             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----|--|------|-----|-------------|
| <div>Calcium</div> <div>For Strong Bones &amp; Muscles</div>                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                             | Canxi<br>Giúp xương & cơ bắp chắc khỏe |     |  |      |     |             |
| <div>Zinc</div> <div>Essential For Growth</div>                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                             | Kẽm<br>Cần thiết cho sự phát triển     |     |  |      |     |             |
| <div>Vitamin D</div> <div>To Promote Calcium Absorption</div>                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                             | Vitamin D<br>Thúc đẩy hấp thụ canxi    |     |  |      |     |             |
| <div></div> <div></div> | <div>Cơ quan và cơ vân chứng nhận Halal của Úc.</div> <table><tr><td></td><td>MIX</td></tr><tr><td></td><td>Giấy</td></tr><tr><td>FSC</td><td>FSC C014047</td></tr></table> |                                        | MIX |  | Giấy | FSC | FSC C014047 |
|                                                                                                                                                                                               | MIX                                                                                                                                                                         |                                        |     |  |      |     |             |
|                                                                                                                                                                                               | Giấy                                                                                                                                                                        |                                        |     |  |      |     |             |
| FSC                                                                                                                                                                                           | FSC C014047                                                                                                                                                                 |                                        |     |  |      |     |             |



LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 16 tháng 09 năm 2022 (ngày mười sáu, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai ); Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 155 Dương Văn Bé, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

Tôi, **Vũ Nam**, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Bà **Bùi Thị Thanh**, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội dịch từ tiếng **Anh** sang tiếng **Việt**;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Bà **Bùi Thị Thanh**;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành                      bản chính, mỗi bản gồm .... tờ, .... trang, lưu **01** bản Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội.

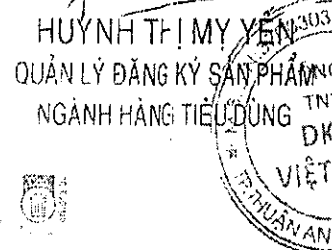
Số công chứng 19.7.1.1..., quyền số 02/2022TP/CC-SCC/BD

NGƯỜI DỊCH

  
Bùi Thị Thanh

CÔNG CHỨNG VIÊN

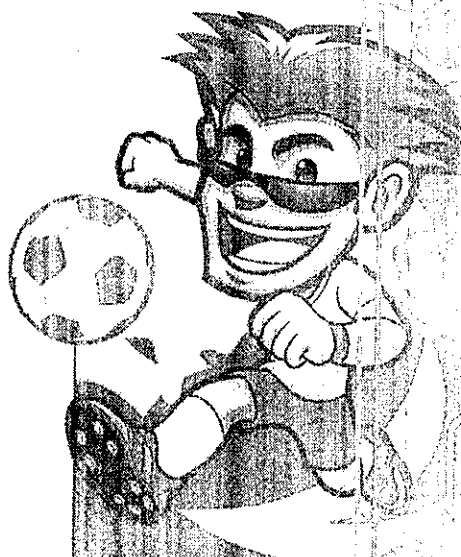
  
CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Vũ Nam*

[illegible]

300-430 15321

**Fueling  
active  
bodies to  
be their  
mighty  
best**

**FRESH  
AUSTRALIAN  
MILK UHT**



Perfect for Baby Growth



Perfect for Energy



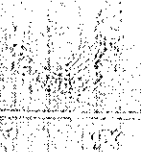
Perfect for Strong Bones & Muscles



Zinc Essential for Growth



Vitamin D for Bones



Vitamin B for Energy

**MIGHTY  
MILK**  
**noumi**

Manufactured by Pactiv Dairy Group  
Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd  
66 Box Rd, Taren Point,  
NSW 2229 Australia  
Free call Australia: 1800 646 231  
Free call New Zealand: 0800 448 725  
Info email: +61 2 9526 2555  
EST Number: 2154

[australiasownfoods.com.au](http://australiasownfoods.com.au)



Proudly made in Australia and  
exported to the world

Imported and distributed into Asia by  
Noumi Singapore Pte. Ltd.  
26 Eng Hoon Street, Singapore 169776  
Box World Sdn. Bhd.  
Lot 1001, Kehill Road,  
Ponding Industrial Estate,  
60450 Kuching,  
Sarawak, Malaysia.

Federated Distributors, Inc.  
FDI BLDG., Veronica de Leon Street  
Cor. Queensway Avenue, Sto. Nino,  
Paranaque, Metro Manila, Philippines.



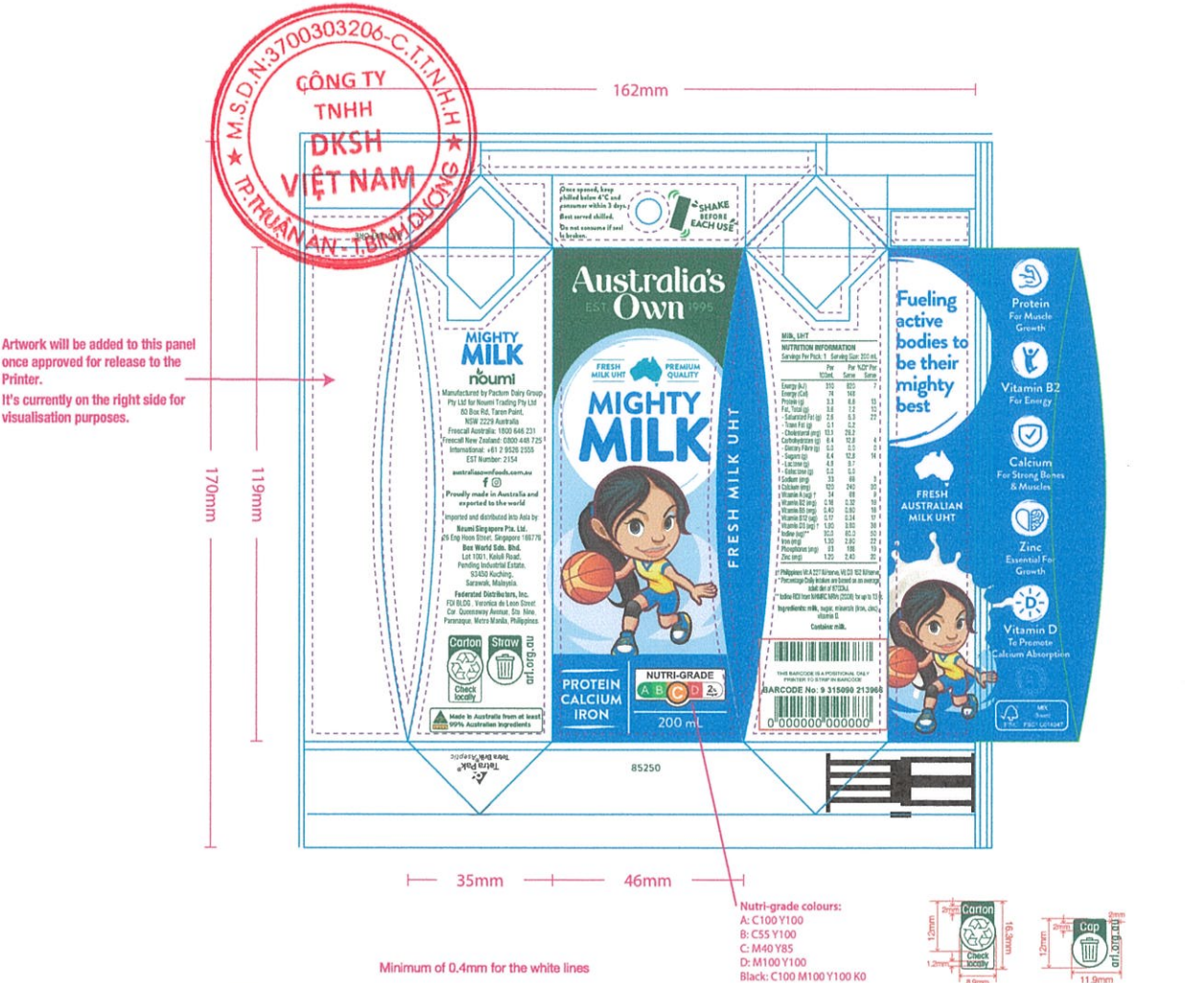
[arl.org.au](http://arl.org.au)

Made in Australia from at least  
99% Australian ingredients

K-C.I.  
TY  
JH  
SH  
NAM  
T.BINH D







|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                |                                               |                                         |                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Packaging Code: #1230                          | Brand: Australia's Own                        | Pack Size: 200ml                        | ARTWORK VERSION: Final                                  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | SKU Code: Tetra Pak 1901                       | Packaging Type: Carton                        | Barcode Number: 9 315090 213966         | DATE: 23/05/2022                                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Production Site: Vanguard Studio Job No. 11929 | Product: Fresh Milk 200ml - ILLUSTRATION 4    | Barcode Size: Magnification factor 0.80 | Substrate Colour: WHITE                                 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Artworker: VANGUARD STUDIO                     |                                               |                                         |                                                         |
| <b>COLOUR LIST</b><br>Any special colour listed is from the PANTONE® matching system unless stated otherwise.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>SAFE AREA</b>                               | <b>PROCESS COLOURS</b><br>Cyan Magenta Yellow | <b>SPOT COLOURS</b><br>PMS48C PMS35C    | <b>GLOSS EMBELLISHMENT</b><br>Matte Gloss Not Specified |
| <b>PLEASE NOTE:</b><br>This artwork is for copy, content and layout purposes only. Not to be used for colour approval.<br>Vanguard Group has quality checked this artwork and information for complete accuracy. Ownership of the final approval for content, layout, text and spelling is the client's responsibility.<br>Please review all areas for inaccuracies, omissions or errors before committing to final approval. |                                                |                                               |                                         |                                                         |
| <b>LICENCED ASSETS DISCLAIMER:</b> Licenced Imagery and Fonts used in this artwork are for reproduction purposes only and must not be used to create additional works or be used in any way other than originally intended. Vanguard Group assumes the End User will adhere to applicable copyright laws.                                                                                                                     |                                                |                                               |                                         |                                                         |
| Homebush Business Village, Unit 14 (Ground Floor), 11 - 21 Underwood Road, Homebush, NSW 2140 Australia   studio@vanguardgroup.com.au   +61 2 8746 2338   vanguardgroup.com.au                                                                                                                                                                                                                                                |                                                |                                               |                                         |                                                         |

**IMPORTANT PRINTER'S INSTRUCTIONS FOR SUPPLYING PDF PROOFS:**

Do not submit a PDF Proof unless the following information is included on it.

**PDF PROOF CHECKLIST:**

- Ensure all dimensions (Major & Minor) match to the Print Ready Artwork supplied
- Indicate Colour Separations according to the Print Ready Artwork supplied
- Indicate Bar Code Size
- Barcodes: All barcodes are positional only. It is the responsibility of the Printer to strip in the barcode and ensure that barcodes will print and scan according to GS1 Standards
- Before sending PDF Proof, please check that resolution is acceptable for viewing

PLEASE NOTE: THIS ARTWORK IS FOR COPY, CONTENT AND LAYOUT ONLY NOT TO BE USED FOR COLOUR APPROVAL







Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1 Serving Size: 200 mL

|                     | Per<br>100mL | Per<br>Serve | Per %DI*<br>Per<br>Serve |
|---------------------|--------------|--------------|--------------------------|
| Energy (kJ)         | 310          | 620          | 7                        |
| Energy (Cal)        | 74           | 148          |                          |
| Protein (g)         | 3.3          | 6.6          | 13                       |
| Fat, Total (g)      | 3.6          | 7.2          | 10                       |
| - Saturated Fat (g) | 2.6          | 5.3          | 22                       |
| - Trans Fat (g)     | 0.1          | 0.2          |                          |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1         | 26.2         |                          |
| Carbohydrates (g)   | 6.4          | 12.8         | 4                        |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0          | 0.0          | 0                        |
| - Sugars (g)        | 6.4          | 12.8         | 14                       |
| - Lactose (g)       | 4.9          | 9.7          |                          |
| - Galactose (g)     | 0.0          | 0.0          |                          |
| Sodium (mg)         | 33           | 66           | 3                        |
| Calcium (mg)        | 120          | 240          | 30                       |
| Vitamin A (ug) †    | 34           | 68           | 9                        |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16         | 0.32         | 19                       |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40         | 0.80         | 16                       |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17         | 0.34         | 17                       |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90         | 3.80         | 38                       |
| Iodine (ug)**       | 30.0         | 60.0         | 50                       |
| Iron (mg)           | 1.30         | 2.60         | 22                       |
| Phosphorus (mg)     | 93           | 186          | 19                       |
| Zinc (mg)           | 1.20         | 2.40         | 20                       |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.



THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY  
PRINTER TO STRIP IN BARCODE

BARCODE No: 9 315090 213966



0 000000 000000

Fueling  
active  
bodies to  
be their  
mighty  
best

FRESH  
AUSTRALIAN  
MILK UHT



Protein  
For Muscle  
Growth



Vitamin B2  
For Energy



Calcium  
For Strong Bones  
& Muscles

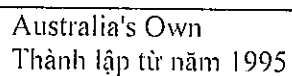


Zinc  
Essential For  
Growth



Vitamin D  
To Promote  
Calcium Absorption



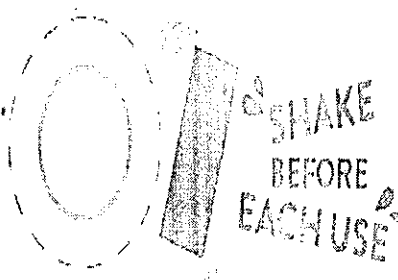


SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG MIGHTY MILK

PROTEIN  
CANXI  
SĂT

| CẤP ĐỘ DINH DƯỠNG |   |   |   |          |
|-------------------|---|---|---|----------|
| A                 | B | C | D | 2% Đường |
| 200 mL            |   |   |   |          |

Do not consume if seal  
is broken.



BEST BEFORE

Không dùng khi niêm phong bị hư hỏng Lắc đều trước khi dùng.

Sử dụng tốt nhất trước

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>noumi</b></p> <p>Manufactured by Pactum Dairy Group<br/>Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd<br/>80 Box Rd, Taren Point,<br/>NSW 2229 Australia<br/>Freecall Australia: 1800 646 231<br/>Freecall New Zealand: 0800 448 725<br/>International: +61 2 9526 2555<br/>EST Number: 2154</p>                                                                                                                                           | <p>Sản xuất bởi Pactum Dairy Group<br/>Pty Ltd cho Noumi Trading Pty Ltd<br/>80 Box Rd, Taren Point,<br/>NSW 2229 Australia<br/>Freecall Úc: 1800 646 231<br/>Freecall New Zealand: 0800 448 725<br/>Quốc tế: +61 2 9526 2555<br/>Số EST: 2154</p>                                                                                                                                                                                              |
| <p><a href="http://australiasownfoods.com.au">australiasownfoods.com.au</a></p> <p><b>f</b> <b>@</b></p> <p><b>Proudly made in Australia and<br/>exported to the world</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                       | <p><a href="http://australiasownfoods.com.au">australiasownfoods.com.au</a><br/>Facebook/ Instagram</p> <p><b>Tự hào là sản phẩm được sản xuất tại<br/>Úc và xuất khẩu ra thế giới</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <p>Imported and distributed into Asia by:</p> <p><b>Noumi Singapore Pte. Ltd.</b><br/>26 Eng Hoon Street, Singapore 169776<br/><b>Box World Sdn. Bhd.</b><br/>Lot 1001, Keluli Road,<br/>Pending Industrial Estate,<br/>93450 Kuching,<br/>Sarawak, Malaysia.</p> <p><b>Federated Distributors, Inc.</b><br/>FDI BLDG., Veronica de Leon Street,<br/>Cor. Queensway Avenue, Sto. Nino,<br/>Paranaque, Metro Manila, Philippines.</p> | <p>Nhập khẩu và phân phối vào Châu Á bởi:</p> <p><b>Công ty tư nhân TNHH Noumi<br/>Singapore</b><br/>Đường 26 Eng Hoon, Singapore 169776<br/><b>Box World Sdn. Bhd</b><br/>Lot 1001, Đường Keluli, Khu công nghiệp<br/>Pending, 93450 Kuching, Sarawak,<br/>Malaysia.</p> <p><b>Tập đoàn Federated Distributors</b><br/>Tòa nhà FDI, Đường Veronica de LeAH<br/>Đại lộ Cor. Queensway, Sto. Nino,<br/>Paranaque, Metro Manila, Philippines.</p> |
| <p><b>Carton</b></p> <p><b>Recycle</b></p> <p><b>Check<br/>locally</b></p> <p><b>Straw</b></p> <p><b>Recycle</b></p> <p><b>art.org.au</b></p> <p><b>Made in Australia from at least<br/>99% Australian ingredients</b></p>                                                                                                                                                                                                           | <p>Hộp giấy cứng<br/>Có thể tái chế<br/>Ống hút<br/>Sản xuất tại Úc với ít nhất 99% nguyên<br/>liệu từ Úc</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |



Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1 Serving Size: 200 mL

|                     | Per<br>100mL | Per<br>Serve | %DI*<br>Per<br>Serve |
|---------------------|--------------|--------------|----------------------|
| Energy (kJ)         | 310          | 620          | 7                    |
| Energy (Cal)        | 74           | 148          |                      |
| Protein (g)         | 3.3          | 6.6          | 13                   |
| Fat, Total (g)      | 3.6          | 7.2          | 10                   |
| - Saturated Fat (g) | 2.6          | 5.3          | 22                   |
| - Trans Fat (g)     | 0.1          | 0.2          |                      |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1         | 26.2         |                      |
| Carbohydrates (g)   | 6.4          | 12.8         | 4                    |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0          | 0.0          | 0                    |
| - Sugars (g)        | 6.4          | 12.8         | 14                   |
| - Lactose (g)       | 4.9          | 9.7          |                      |
| - Galactose (g)     | 0.0          | 0.0          |                      |
| Sodium (mg)         | 33           | 66           | 3                    |
| Calcium (mg)        | 120          | 240          | 30                   |
| Vitamin A (ug) †    | 34           | 68           | 9                    |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16         | 0.32         | 19                   |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40         | 0.80         | 16                   |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17         | 0.34         | 17                   |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90         | 3.80         | 38                   |
| Iodine (ug)**       | 30.0         | 60.0         | 50                   |
| Iron (mg)           | 1.30         | 2.60         | 22                   |
| Phosphorus (mg)     | 93           | 186          | 19                   |
| Zinc (mg)           | 1.20         | 2.40         | 20                   |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve.

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.

Sữa tiệt trùng UHT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Số khẩu phần trong mỗi hộp: 1

Kích cỡ của 1 khẩu phần: 200 mL

|                              | Trong<br>100mL | Trong<br>một<br>khẩu<br>phần | %DI*<br>trong<br>một<br>khẩu<br>phần |
|------------------------------|----------------|------------------------------|--------------------------------------|
| Năng lượng (kJ)              | 310            | 620                          | 7                                    |
| Năng lượng (Cal)             | 74             | 148                          |                                      |
| Protein (g)                  | 3.3            | 6.6                          | 13                                   |
| Chất béo tổng (g)            | 3.6            | 7.2                          | 10                                   |
| - Chất béo bão<br>hoà (g)    | 2.6            | 5.3                          | 22                                   |
| - Chất béo<br>chuyển hóa (g) | 0.1            | 0.2                          |                                      |
| - Cholesterol (g)            | 13.1           | 26.2                         |                                      |
| Carbohydrate (g)             | 6.4            | 12.8                         | 4                                    |
| -Chất xơ (g)                 | 0.0            | 0.0                          | 0                                    |
| -Đường (g)                   | 6.4            | 12.8                         | 14                                   |
| -Lactose (g)                 | 4.9            | 9.7                          |                                      |
| -Galactose (g)               | 0.0            | 0.0                          |                                      |
| Natri (mg)                   | 33 g           | 66                           | 3                                    |
| Canxi (mg)                   | 120            | 240                          | 30                                   |
| Vitamin A (ug)               | 34             | 68                           | 9                                    |
| Vitamin B2 (mg)              | 0.16           | 0.32                         | 19                                   |
| Vitamin B5 (mg)              | 0.40           | 0.80                         | 16                                   |
| Vitamin B12<br>(mg)          | 0.17           | 0.34                         | 17                                   |
| Vitamin D3 (mg)              | 1.90           | 3.80                         | 38                                   |
| Iodine (ug)**                | 30.0           | 60.0                         | 50                                   |
| Sắt (mg)                     | 1.30           | 2.60                         | 22                                   |
| Phospho (mg)                 | 93             | 186                          | 19                                   |
| Kẽm (mg)                     | 1.20           | 2.40                         | 20                                   |

Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\*Phần trăm lượng tiêu thụ hằng ngày dựa trên chế độ ăn trung bình 8700kJ của người lớn.

\*\*Lượng khuyến nghị Iodine từ Giá trị dinh dưỡng tham chiếu của NHMRC (2006) cho trẻ dưới 13 tuổi

Thành phần: sữa, đường, chất khoáng (sắt, kẽm), vitamin D.

Sản phẩm chứa sữa

|                                                                                                             |  |                                                                                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY<br/>PRINTER TO STRIP IN BARCODE</p> <p>BARCODE No: 9 315090 213966</p> |  | <p>Barcode này sử dụng máy in vị trí để tạo<br/>dài mã vạch.<br/>Barcode số: 9315090213966</p> |
| <p>Fueling<br/>active<br/>bodies to<br/>be their<br/>mighty<br/>best</p>                                    |  | <p>Cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động<br/>và trở nên khỏe mạnh</p>                       |
| <p>FRESH<br/>AUSTRALIAN<br/>MILK UHT</p>                                                                    |  | <p>Sữa tươi tiệt trùng UHT từ Úc</p>                                                           |
| <p>Protein<br/>For Muscle<br/>Growth</p>                                                                    |  | <p>Protein<br/>Hỗ trợ phát triển cơ bắp</p>                                                    |
| <p>Vitamin B2<br/>For Energy</p>                                                                            |  | <p>Vitamin B2<br/>Cung cấp năng lượng</p>                                                      |
| <p>Calcium<br/>For Strong Bones<br/>&amp; Muscles</p>                                                       |  | <p>Canxi<br/>Giúp xương &amp; cơ bắp chắc khỏe</p>                                             |

|                                                                                                                                                                                 |             |                                                                                                                                                                         |  |     |  |      |     |             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----|--|------|-----|-------------|
| <p><b>Zinc</b><br/><b>Essential For</b><br/><b>Growth</b></p>                                                                                                                   |             | <p>Kẽm<br/>Cần thiết cho sự phát triển</p>                                                                                                                              |  |     |  |      |     |             |
| <p><b>Vitamin D</b><br/><b>To Promote</b><br/><b>Calcium Absorption</b></p>                                                                                                     |             | <p>Vitamin D<br/>Thúc đẩy hấp thụ canxi</p>                                                                                                                             |  |     |  |      |     |             |
| <p><br/></p> |             | <p>Cơ quan và cổ vấn chứng nhận Halal của Úc.</p> <table><tr><td></td><td>MIX</td></tr><tr><td></td><td>Giấy</td></tr><tr><td>FSC</td><td>FSC C014047</td></tr></table> |  | MIX |  | Giấy | FSC | FSC C014047 |
|                                                                                                                                                                                 | MIX         |                                                                                                                                                                         |  |     |  |      |     |             |
|                                                                                                                                                                                 | Giấy        |                                                                                                                                                                         |  |     |  |      |     |             |
| FSC                                                                                                                                                                             | FSC C014047 |                                                                                                                                                                         |  |     |  |      |     |             |



LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 16 tháng 09 năm 2022 (ngày mười sáu, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai ); Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 155 Dương Văn Bé, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

Tôi, **Vũ Nam**, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Bà **Bùi Thị Thanh**, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội dịch từ tiếng **Anh** sang tiếng **Việt**;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Bà **Bùi Thị Thanh**;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành                      bản chính, mỗi bản gồm .... tờ, .... trang, lưu **01** bản Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội.

Số công chứng **10806**, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/BD

NGƯỜI DỊCH

CÔNG CHỨNG VIÊN

  
Bùi Thị Thanh

  
CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Vũ Nam*

CC  
V'  
IP. THUAN  
M.S.D. 103/003

**LICENSED ASSETS DISCLAIMER:** Licensed Images and Assets: The 100+ artwork assets included in this book are the property of the artist. All rights reserved. All other trademarks, logos, and other copyrighted material are the property of their respective owners. All other trademarks, logos, and other copyrighted material are the property of their respective owners. All other trademarks, logos, and other copyrighted material are the property of their respective owners.

**Do not submit a PDF Proof unless the following information is included on it:**

**PDF PROOF CHECKLIST:**

- **Title and Authors:** Submit a Word document with the Title and Author(s) completed.
- **Abstract:** Submit a separate document to the Print Proof. Abstracts should be typed.
- **Keywords:** All keywords are recommended. It is the responsibility of the Author to submit the keywords and complete a cover sheet with a list of keywords appearing in the abstract.
- **Before sending PDF Proof, please check that resolution is acceptable for viewing**

BEST BEFORE

Once opened, keep  
chilled at less than 4°C and  
consume within 3 days.  
Best served chilled.  
Do not consume if seal  
is broken.

SHAKE  
BEFORE  
EACH USE

**MIGHTY  
MILK**  
noumi

Manufactured by Pactiv Dairy Group  
Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd  
80 Box Rd, Taren Point,  
NSW 2229 Australia  
Freecall Australia: 1800 648 231  
Freecall New Zealand: 0800 448 725  
International: +61 2 9526 2554  
EST Number: 1994

[australiasownfoods.com.au](http://australiasownfoods.com.au)



Proudly made in Australia and  
exported to the world

Imported and distributed into Asia by:  
Noumi Singapore Pte. Ltd.  
26 Eng Hoon Street, Singapore 159724  
Box World Sdn. Bhd.  
Lot 1001, Keluli Road,  
Pending Industrial Estate,  
93450 Kuching,  
Sarawak, Malaysia.

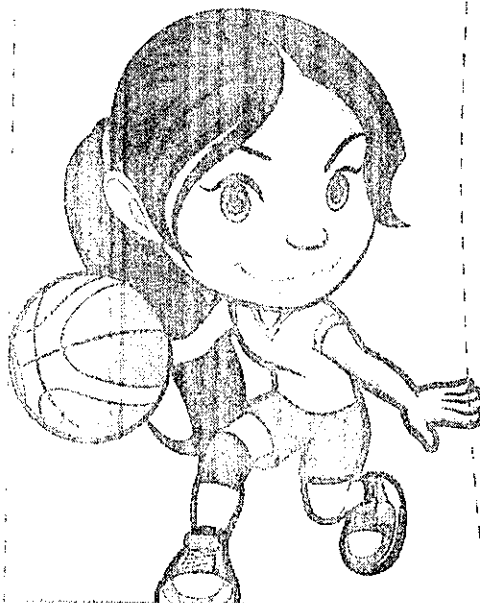
Federated Distributors, Inc.  
FDI BLDG., Veronica de Leon Street,  
Cor. Queensway Avenue, San Mar,  
Paranaque, Metro Manila, Philippines.



Made in Australia from at least  
99% Australian ingredients

**Australia's  
Own**

**MIGHTY  
MILK**



FRESH MILK UHT

3206-C  
IG TY  
NIH  
JKSH  
T NAF  
1N - T.DINT

PROTEIN  
CALCIUM  
IRON

NUTRI-GRADE



200ml



Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1 Serving Size: 200 mL

|                     | Per 100mL | Per 200mL Serving | % Daily Value |
|---------------------|-----------|-------------------|---------------|
| Energy (kJ)         | 310       | 620               | 7             |
| Energy (Cal)        | 74        | 148               |               |
| Protein (g)         | 3.3       | 6.6               | 13            |
| Fat, Total (g)      | 3.6       | 7.2               | 10            |
| - Saturated Fat (g) | 2.6       | 5.3               | 22            |
| - Trans Fat (g)     | 0.1       | 0.2               |               |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1      | 26.2              |               |
| Carbohydrates (g)   | 6.4       | 12.8              | 4             |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0       | 0.0               | 0             |
| - Sugars (g)        | 6.4       | 12.8              | 14            |
| - Lactose (g)       | 4.9       | 9.7               |               |
| - Galactose (g)     | 0.0       | 0.0               |               |
| Sodium (mg)         | 33        | 66                | 3             |
| Calcium (mg)        | 120       | 240               | 30            |
| Vitamin A (ug) †    | 34        | 68                | 9             |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16      | 0.32              | 9             |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40      | 0.80              | 16            |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17      | 0.34              | 17            |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90      | 3.80              | 38            |
| Iodine (ug)**       | 30.0      | 60.0              | 50            |
| Iron (mg)           | 1.30      | 2.60              | 22            |
| Phosphorus (mg)     | 93        | 186               | 19            |
| Zinc (mg)           | 1.20      | 2.40              | 20            |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.



THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY  
PRINTER TO STRIP IN BARCODE.

BARCODE No: 9 315090 213966



Fueling  
active  
bodies to  
be their  
mightiest  
best



Protein  
For Muscle  
Growth



Vitamin B2  
For Energy



Calcium  
For Strong Bones  
& Muscles



Zinc  
Essential For  
Growth



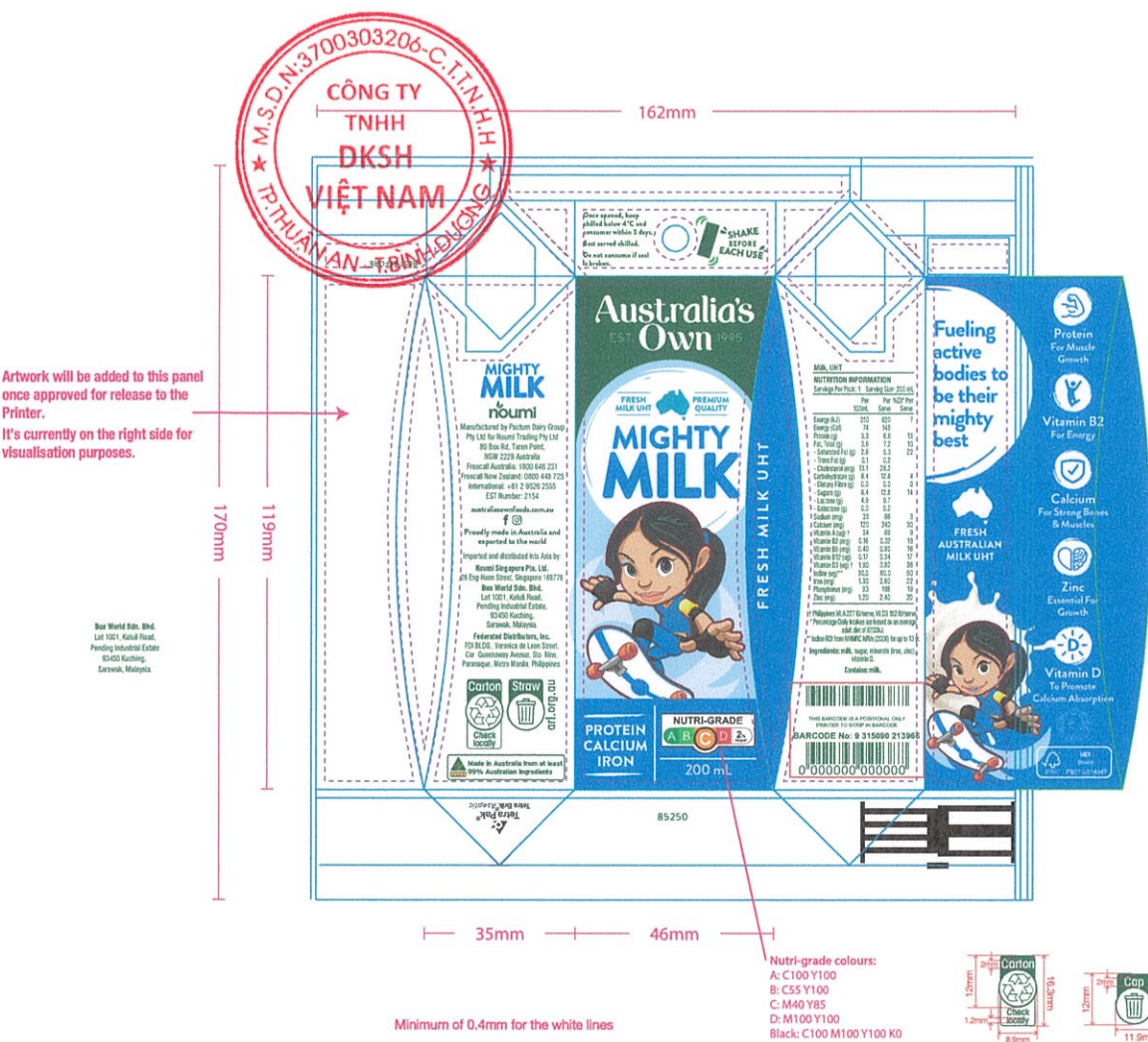
Vitamin D  
To Promote  
Calcium Absorption



MAX  
Bottle  
1.5L (50.7 FL OZ)  
1800 2023





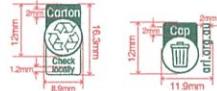


Artwork will be added to this panel once approved for release to the Printer.  
It's currently on the right side for visualisation purposes.

Box World Bldg. Bld.  
Lot 1021, Kallit Road,  
Pendang Industrial Estate  
63400 Kuching,  
Sarawak, Malaysia

Nutri-grade colours:  
A: C100 Y100  
B: C55 Y100  
C: M40 Y85  
D: M100 Y100  
Black: C100 M100 Y100 K0

Minimum of 0.4mm for the white lines



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                           |                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Packaging Code: 89250<br>SKU Code: 89250<br>Deline No.: Tetra Pak 1901<br>Production Site: Vanguard Studio<br>Vanguard Studio Job No.: 11929 | Brand: Australia's Own<br>Packaging Type: Carton<br>Product: Fresh Milk 200ml - ILLUSTRATION 1<br>Artworker: VANGUARD STUDIO | Pack Size: 200ml<br>Barcode Number: 9 315090 213966<br>Barcode Size: Magnification factor 0.80<br>Substrate Colour: WHITE | ARTWORK VERSION: Final<br>DATE: 23/05/2022 |
| <b>COLOUR LIST</b><br>Any special colour listed is from the PANTONE® matching system unless stated otherwise.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>PROCESS COLOURS</b><br>Cyan Magenta Yellow                                                                                                | <b>SPOT COLOURS</b><br>PMS48C PMS39C                                                                                         | <b>GLOSS EMBELLISHMENT</b><br>Mat Gloss Not Specified                                                                     |                                            |
| <b>PLEASE NOTE:</b><br>This artwork is for copy, content and layout purposes only. Not to be used for colour approval.<br>Vanguard Group has quality checked this artwork and information for complete accuracy. Ownership of the final approval for content, layout, text and spelling is the client's responsibility.<br>Please review all areas for inaccuracies, omissions or errors before committing to final approval. |                                                                                                                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                           |                                            |
| <b>LICENCED ASSETS DISCLAIMER:</b> Licenced Imagery and Fonts used in this artwork are for reproduction purposes only and must not be used to create additional works or be used in any way other than originally intended. Vanguard Group assumes the End User will adhere to applicable copyright laws.                                                                                                                     |                                                                                                                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                           |                                            |
| Homebush Business Village, Unit 14 (Ground Floor), 11 - 21 Underwood Road, Homebush, NSW 2140 Australia   studio@vanguardgroup.com.au   +61 2 9746 2330   vanguardgroup.com.au                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                           |                                            |

|                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>IMPORTANT PRINTER'S INSTRUCTIONS FOR SUPPLYING PDF PROOFS:</b>                                                                                                                     |
| <b>Do not submit a PDF Proof unless the following information is included on it.</b>                                                                                                  |
| <b>PDF PROOF CHECKLIST:</b>                                                                                                                                                           |
| - Ensure all dimensions (Major & Minor) match to the Print Ready Artwork supplied                                                                                                     |
| - Indicate Colour Separations according to the Print Ready Artwork supplied                                                                                                           |
| - Indicate Bar Code Size                                                                                                                                                              |
| - Barcodes: All barcodes are positional only. It is the responsibility of the Printer to strip in the barcode and ensure that barcodes will print and scan according to GS1 Standards |
| - Before sending PDF Proof, please check that resolution is acceptable for viewing                                                                                                    |
| <b>PLEASE NOTE: THIS ARTWORK IS FOR COPY, CONTENT AND LAYOUT ONLY. NOT TO BE USED FOR COLOUR APPROVAL</b>                                                                             |





03032  
CÔNG  
TNHH  
DKSH  
IỆT N  
AN - T.B



Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1 Serving Size: 200 mL

|                     | Per<br>100mL | Per<br>Serve | %DI* Per<br>Serve |
|---------------------|--------------|--------------|-------------------|
| Energy (kJ)         | 310          | 620          | 7                 |
| Energy (Cal)        | 74           | 148          |                   |
| Protein (g)         | 3.3          | 6.6          | 13                |
| Fat, Total (g)      | 3.6          | 7.2          | 10                |
| - Saturated Fat (g) | 2.6          | 5.3          | 22                |
| - Trans Fat (g)     | 0.1          | 0.2          |                   |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1         | 26.2         |                   |
| Carbohydrates (g)   | 6.4          | 12.8         | 4                 |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0          | 0.0          | 0                 |
| - Sugars (g)        | 6.4          | 12.8         | 14                |
| - Lactose (g)       | 4.9          | 9.7          |                   |
| - Galactose (g)     | 0.0          | 0.0          |                   |
| Sodium (mg)         | 33           | 66           | 3                 |
| Calcium (mg)        | 120          | 240          | 30                |
| Vitamin A (ug) †    | 34           | 68           | 9                 |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16         | 0.32         | 19                |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40         | 0.80         | 16                |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17         | 0.34         | 17                |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90         | 3.80         | 38                |
| Iodine (ug)**       | 30.0         | 60.0         | 50                |
| Iron (mg)           | 1.30         | 2.60         | 22                |
| Phosphorus (mg)     | 93           | 186          | 19                |
| Zinc (mg)           | 1.20         | 2.40         | 20                |

† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve;

\* Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.

Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.



THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY  
PRINTER TO STRIP IN BARCODE

BARCODE No: 9 315090 213966



Fueling  
active  
bodies to  
be their  
mighty  
best

FRESH  
AUSTRALIAN  
MILK UHT



Protein  
For Muscle  
Growth



Vitamin B2  
For Energy



Calcium  
For Strong Bones  
& Muscles



Zinc  
Essential For  
Growth



Vitamin D  
To Promote  
Calcium Absorption



MIX  
Board

FSC® C014047



|        |   |   |   |          |
|--------|---|---|---|----------|
| A      | B | C | D | 2% Đường |
| 200 mL |   |   |   |          |



SHAKE  
BEFORE  
EACH USE

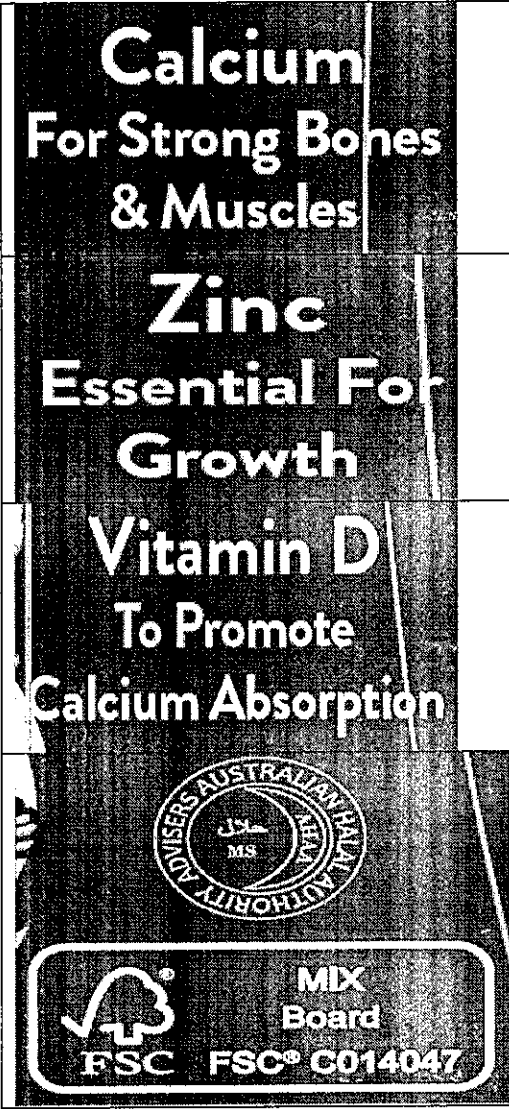
Sử dụng tốt nhất trước

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div></div> <div><p>Manufactured by Pactum Dairy Group<br/>Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd<br/>80 Box Rd, Taren Point,<br/>NSW 2229 Australia<br/>Freecall Australia: 1800 646 231<br/>Freecall New Zealand: 0800 448 725<br/>International: +61 2 9526 2555<br/>EST Number: 2154</p></div>                                                                                                                                 | <p>Sản xuất bởi Pactum Dairy Group<br/>Pty Ltd cho Noumi Trading Pty Ltd<br/>80 Box Rd, Taren Point,<br/>NSW 2229 Australia<br/>Freecall Úc: 1800 646 231<br/>Freecall New Zealand: 0800 448 725<br/>Quốc tế: +61 2 9526 2555<br/>Số EST: 2154</p>                                                                                                                                                                                          |
| <div><p><a href="http://australiasownfoods.com.au">australiasownfoods.com.au</a></p><div></div><p>Proudly made in Australia and<br/>exported to the world</p></div>                                                                                                                                                                          | <p><a href="http://australiasownfoods.com.au">australiasownfoods.com.au</a><br/>Facebook/ Instagram</p> <p>Tự hào là sản phẩm được sản xuất tại<br/>Úc và xuất khẩu ra thế giới</p>                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <p>Imported and distributed into Asia by:</p> <p><b>Noumi Singapore Pte. Ltd.</b><br/>26 Eng Hoon Street, Singapore 169776<br/><b>Box World Sdn. Bhd.</b><br/>Lot 1001, Keluli Road,<br/>Pending Industrial Estate,<br/>93450 Kuching,<br/>Sarawak, Malaysia.</p> <p><b>Federated Distributors, Inc.</b><br/>FDI BLDG., Veronica de Leon Street,<br/>Cor. Queensway Avenue, Sto. Nino,<br/>Paranaque, Metro Manila, Philippines.</p>                                                                           | <p>Nhập khẩu và phân phối vào Châu Á bởi:</p> <p><b>Công ty tư nhân TNHH Noumi Singapore</b><br/>Đường 26 Eng Hoon, Singapore 169776<br/><b>Box World Sdn. Bhd</b><br/>Lot 1001, Đường Keluli, Khu công nghiệp<br/>Pending, 93450 Kuching, Sarawak,<br/>Malaysia.</p> <p><b>Tập đoàn Federated Distributors</b><br/>Tòa nhà FDI, Đường Veronica de LeAH<br/>Đại lộ Cor. Queensway, Sto. Nino,<br/>Paranaque, Metro Manila, Philippines.</p> |
| <div><div><div><p><b>Carton</b></p><p>Check locally</p></div><div><p><b>Straw</b></p></div><div><p><a href="http://noui.org.au">noui.org.au</a></p></div></div><div><p>Made in Australia from at least<br/>99% Australian Ingredients</p></div></div> | <p>Hộp giấy cứng<br/>Có thể tái chế<br/>Ông hút<br/>Sản xuất tại Úc với ít nhất 99% nguyên<br/>liệu từ Úc</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |



|                                                                          |           |           |                |                                                                                                   |             |                     |                          |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|--------------------------|
| Milk, UHT                                                                |           |           |                | Sữa tiết trùng UHT                                                                                |             |                     |                          |
| NUTRITION INFORMATION                                                    |           |           |                | THÔNG TIN DINH DƯỠNG                                                                              |             |                     |                          |
| Servings Per Pack: 1    Serving Size: 200 mL                             |           |           |                | Số khẩu phần trong mỗi hộp: 1<br>Kích cỡ của 1 khẩu phần: 200 mL                                  |             |                     |                          |
|                                                                          | Per 100mL | Per Serve | %DI* Per Serve |                                                                                                   | Trong 100mL | Trong một khẩu phần | %DI* trong một khẩu phần |
| Energy (kJ)                                                              | 310       | 620       | 7              | Năng lượng (kJ)                                                                                   | 310         | 620                 | 7                        |
| Energy (Cal)                                                             | 74        | 148       |                | Năng lượng (Cal)                                                                                  | 74          | 148                 |                          |
| Protein (g)                                                              | 3.3       | 6.6       | 13             | Protein (g)                                                                                       | 3.3         | 6.6                 | 13                       |
| Fat, Total (g)                                                           | 3.6       | 7.2       | 10             | Chất béo tổng (g)                                                                                 | 3.6         | 7.2                 | 10                       |
| - Saturated Fat (g)                                                      | 2.6       | 5.3       | 22             | - Chất béo bão hoà (g)                                                                            | 2.6         | 5.3                 | 22                       |
| - Trans Fat (g)                                                          | 0.1       | 0.2       |                | - Chất béo chuyển hóa (g)                                                                         | 0.1         | 0.2                 |                          |
| - Cholesterol (mg)                                                       | 13.1      | 26.2      |                | - Cholesterol (g)                                                                                 | 13.1        | 26.2                |                          |
| Carbohydrates (g)                                                        | 6.4       | 12.8      | 4              | Carbohydrate (g)                                                                                  | 6.4         | 12.8                | 4                        |
| - Dietary Fibre (g)                                                      | 0.0       | 0.0       | 0              | -Chất xơ (g)                                                                                      | 0.0         | 0.0                 | 0                        |
| - Sugars (g)                                                             | 6.4       | 12.8      | 14             | -Đường (g)                                                                                        | 6.4         | 12.8                | 14                       |
| - Lactose (g)                                                            | 4.9       | 9.7       |                | -Lactose (g)                                                                                      | 4.9         | 9.7                 |                          |
| - Galactose (g)                                                          | 0.0       | 0.0       |                | -Galactose (g)                                                                                    | 0.0         | 0.0                 |                          |
| Sodium (mg)                                                              | 33        | 66        | 3              | Natri (mg)                                                                                        | 33 g        | 66                  | 3                        |
| Calcium (mg)                                                             | 120       | 240       | 30             | Canxi (mg)                                                                                        | 120         | 240                 | 30                       |
| Vitamin A (ug) †                                                         | 34        | 68        | 9              | Vitamin A (ug)                                                                                    | 34          | 68                  | 9                        |
| Vitamin B2 (mg)                                                          | 0.16      | 0.32      | 19             | Vitamin B2 (mg)                                                                                   | 0.16        | 0.32                | 19                       |
| Vitamin B5 (mg)                                                          | 0.40      | 0.80      | 16             | Vitamin B5 (mg)                                                                                   | 0.40        | 0.80                | 16                       |
| Vitamin B12 (ug)                                                         | 0.17      | 0.34      | 17             | Vitamin B12 (mg)                                                                                  | 0.17        | 0.34                | 17                       |
| Vitamin D3 (ug) †                                                        | 1.90      | 3.80      | 38             | Vitamin D3 (mg)                                                                                   | 1.90        | 3.80                | 38                       |
| Iodine (ug)**                                                            | 30.0      | 60.0      | 50             | Iodine (ug)**                                                                                     | 30.0        | 60.0                | 50                       |
| Iron (mg)                                                                | 1.30      | 2.60      | 22             | Sắt (mg)                                                                                          | 1.30        | 2.60                | 22                       |
| Phosphorus (mg)                                                          | 93        | 186       | 19             | Phospho (mg)                                                                                      | 93          | 186                 | 19                       |
| Zinc (mg)                                                                | 1.20      | 2.40      | 20             | Kẽm (mg)                                                                                          | 1.20        | 2.40                | 20                       |
| † Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve                    |           |           |                | Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve                                               |             |                     |                          |
| * Percentage Daily Intakes are based on an average adult diet of 8700kJ. |           |           |                | *Phần trăm lượng tiêu thụ hằng ngày dựa trên chế độ ăn trung bình 8700kJ của người lớn.           |             |                     |                          |
| ** Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr.                    |           |           |                | **Lượng khuyến nghị Iodine từ Giá trị dinh dưỡng tham chiếu của NHMRC (2006) cho trẻ dưới 13 tuổi |             |                     |                          |
| Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.              |           |           |                | Thành phần: sữa, đường, chất khoáng (sắt, kẽm), vitamin D.                                        |             |                     |                          |
| Contains: milk.                                                          |           |           |                | Sản phẩm chứa sữa                                                                                 |             |                     |                          |

|                                                                                                              |  |                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY<br/>PRINTER TO STRIP IN BARCODE</p> <p>BARCODE No: 9 315090 213966</p>  |  | <p>Barcode này sử dụng máy in vị trí để tạo<br/>dải mã vạch.<br/>Barcode số: 9315090213966</p> |
| <p>Fueling<br/>active<br/>bodies to<br/>be their<br/>mighty<br/>best</p>                                     |  | <p>Cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động<br/>và trở nên khỏe mạnh</p>                       |
| <p>FRESH<br/>AUSTRALIAN<br/>MILK UHT<br/>Protein<br/>For Muscle<br/>Growth<br/>Vitamin B2<br/>For Energy</p> |  | <p>Sữa tươi tiệt trùng UHT từ Úc</p>                                                           |
|                                                                                                              |  | <p>Protein<br/>Hỗ trợ phát triển cơ bắp</p>                                                    |
|                                                                                                              |  | <p>Vitamin B2<br/>Cung cấp năng lượng</p>                                                      |

|                                                                                    |             |                                                                                                                                                                                             |  |     |  |  |      |  |     |             |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----|--|--|------|--|-----|-------------|--|
|  |             | Canxi<br>Giúp xương & cơ bắp chắc khỏe                                                                                                                                                      |  |     |  |  |      |  |     |             |  |
|                                                                                    |             | Kẽm<br>Cần thiết cho sự phát triển                                                                                                                                                          |  |     |  |  |      |  |     |             |  |
|                                                                                    |             | Vitamin D<br>Thúc đẩy hấp thụ canxi                                                                                                                                                         |  |     |  |  |      |  |     |             |  |
|                                                                                    |             | Cơ quan và cổ văn chứng nhận Halal của Úc. <table><tr><td></td><td>MIX</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Giấy</td><td></td></tr><tr><td>FSC</td><td>FSC C014047</td><td></td></tr></table> |  | MIX |  |  | Giấy |  | FSC | FSC C014047 |  |
|                                                                                    | MIX         |                                                                                                                                                                                             |  |     |  |  |      |  |     |             |  |
|                                                                                    | Giấy        |                                                                                                                                                                                             |  |     |  |  |      |  |     |             |  |
| FSC                                                                                | FSC C014047 |                                                                                                                                                                                             |  |     |  |  |      |  |     |             |  |



LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 16 tháng 09 năm 2022 (ngày mười sáu, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai ); Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 155 Dương Văn Bé, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

Tôi, **Vũ Nam**, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Bà **Bùi Thị Thanh**, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội dịch từ tiếng **Anh** sang tiếng **Việt**;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Bà **Bùi Thị Thanh**;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành                      bản chính, mỗi bản gồm .... tờ, .... trang, lưu **01** bản Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội.

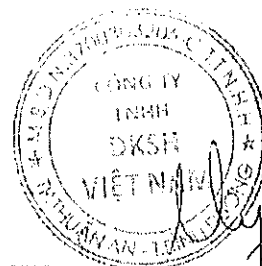
Số công chứng 10.806....., quyền số 02/2022TP/CC-SCC/BD

NGƯỜI DỊCH

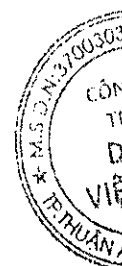
CÔNG CHỨNG VIÊN

  
Bùi Thị Thanh

  
CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Vũ Nam*



HUYỆN THỊ MỸ YẾN  
QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM  
NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG





© Copyright 2012 noumi

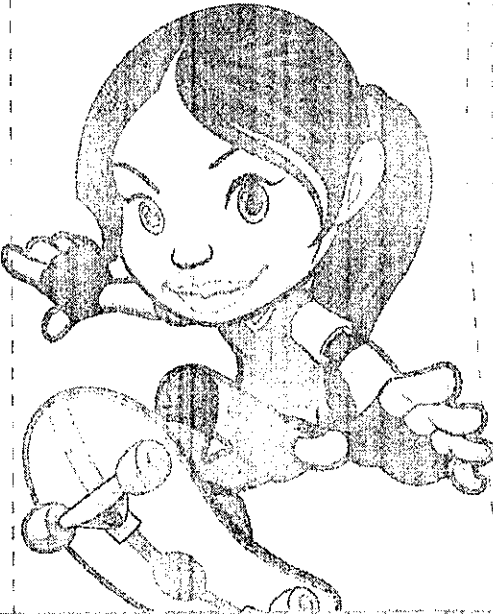
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |  |  |
| ColorChecker<br>Target: D50 Illuminant, 2 degree observer<br>Density: 0.04, 0.15, 0.30, 0.45, 0.60, 0.75, 0.90, 1.05, 1.20, 1.35, 1.50, 1.65, 1.80, 1.95, 2.10, 2.25, 2.40, 2.55, 2.70, 2.85, 3.00, 3.15, 3.30, 3.45, 3.60, 3.75, 3.90, 4.05, 4.20, 4.35, 4.50, 4.65, 4.80, 4.95, 5.10, 5.25, 5.40, 5.55, 5.70, 5.85, 6.00, 6.15, 6.30, 6.45, 6.60, 6.75, 6.90, 7.05, 7.20, 7.35, 7.50, 7.65, 7.80, 7.95, 8.10, 8.25, 8.40, 8.55, 8.70, 8.85, 9.00, 9.15, 9.30, 9.45, 9.60, 9.75, 9.90, 10.05, 10.20, 10.35, 10.50, 10.65, 10.80, 10.95, 11.10, 11.25, 11.40, 11.55, 11.70, 11.85, 12.00, 12.15, 12.30, 12.45, 12.60, 12.75, 12.90, 13.05, 13.20, 13.35, 13.50, 13.65, 13.80, 13.95, 14.10, 14.25, 14.40, 14.55, 14.70, 14.85, 15.00, 15.15, 15.30, 15.45, 15.60, 15.75, 15.90, 16.05, 16.20, 16.35, 16.50, 16.65, 16.80, 16.95, 17.10, 17.25, 17.40, 17.55, 17.70, 17.85, 18.00, 18.15, 18.30, 18.45, 18.60, 18.75, 18.90, 19.05, 19.20, 19.35, 19.50, 19.65, 19.80, 19.95, 20.10, 20.25, 20.40, 20.55, 20.70, 20.85, 21.00, 21.15, 21.30, 21.45, 21.60, 21.75, 21.90, 22.05, 22.20, 22.35, 22.50, 22.65, 22.80, 22.95, 23.10, 23.25, 23.40, 23.55, 23.70, 23.85, 24.00, 24.15, 24.30, 24.45, 24.60, 24.75, 24.90, 25.05, 25.20, 25.35, 25.50, 25.65, 25.80, 25.95, 26.10, 26.25, 26.40, 26.55, 26.70, 26.85, 27.00, 27.15, 27.30, 27.45, 27.60, 27.75, 27.90, 28.05, 28.20, 28.35, 28.50, 28.65, 28.80, 28.95, 29.10, 29.25, 29.40, 29.55, 29.70, 29.85, 30.00, 30.15, 30.30, 30.45, 30.60, 30.75, 30.90, 31.05, 31.20, 31.35, 31.50, 31.65, 31.80, 31.95, 32.10, 32.25, 32.40, 32.55, 32.70, 32.85, 33.00, 33.15, 33.30, 33.45, 33.60, 33.75, 33.90, 34.05, 34.20, 34.35, 34.50, 34.65, 34.80, 34.95, 35.10, 35.25, 35.40, 35.55, 35.70, 35.85, 36.00, 36.15, 36.30, 36.45, 36.60, 36.75, 36.90, 37.05, 37.20, 37.35, 37.50, 37.65, 37.80, 37.95, 38.10, 38.25, 38.40, 38.55, 38.70, 38.85, 39.00, 39.15, 39.30, 39.45, 39.60, 39.75, 39.90, 40.05, 40.20, 40.35, 40.50, 40.65, 40.80, 40.95, 41.10, 41.25, 41.40, 41.55, 41.70, 41.85, 42.00, 42.15, 42.30, 42.45, 42.60, 42.75, 42.90, 43.05, 43.20, 43.35, 43.50, 43.65, 43.80, 43.95, 44.10, 44.25, 44.40, 44.55, 44.70, 44.85, 45.00, 45.15, 45.30, 45.45, 45.60, 45.75, 45.90, 46.05, 46.20, 46.35, 46.50, 46.65, 46.80, 46.95, 47.10, 47.25, 47.40, 47.55, 47.70, 47.85, 48.00, 48.15, 48.30, 48.45, 48.60, 48.75, 48.90, 49.05, 49.20, 49.35, 49.50, 49.65, 49.80, 49.95, 50.10, 50.25, 50.40, 50.55, 50.70, 50.85, 51.00, 51.15, 51.30, 51.45, 51.60, 51.75, 51.90, 52.05, 52.20, 52.35, 52.50, 52.65, 52.80, 52.95, 53.10, 53.25, 53.40, 53.55, 53.70, 53.85, 54.00, 54.15, 54.30, 54.45, 54.60, 54.75, 54.90, 55.05, 55.20, 55.35, 55.50, 55.65, 55.80, 55.95, 56.10, 56.25, 56.40, 56.55, 56.70, 56.85, 57.00, 57.15, 57.30, 57.45, 57.60, 57.75, 57.90, 58.05, 58.20, 58.35, 58.50, 58.65, 58.80, 58.95, 59.10, 59.25, 59.40, 59.55, 59.70, 59.85, 60.00, 60.15, 60.30, 60.45, 60.60, 60.75, 60.90, 61.05, 61.20, 61.35, 61.50, 61.65, 61.80, 61.95, 62.10, 62.25, 62.40, 62.55, 62.70, 62.85, 63.00, 63.15, 63.30, 63.45, 63.60, 63.75, 63.90, 64.05, 64.20, 64.35, 64.50, 64.65, 64.80, 64.95, 65.10, 65.25, 65.40, 65.55, 65.70, 65.85, 66.00, 66.15, 66.30, 66.45, 66.60, 66.75, 66.90, 67.05, 67.20, 67.35, 67.50, 67.65, 67.80, 67.95, 68.10, 68.25, 68.40, 68.55, 68.70, 68.85, 69.00, 69.15, 69.30, 69.45, 69.60, 69.75, 69.90, 70.05, 70.20, 70.35, 70.50, 70.65, 70.80, 70.95, 71.10, 71.25, 71.40, 71.55, 71.70, 71.85, 72.00, 72.15, 72.30, 72.45, 72.60, 72.75, 72.90, 73.05, 73.20, 73.35, 73.50, 73.65, 73.80, 73.95, 74.10, 74.25, 74.40, 74.55, 74.70, 74.85, 75.00, 75.15, 75.30, 75.45, 75.60, 75.75, 75.90, 76.05, 76.20, 76.35, 76.50, 76.65, 76.80, 76.95, 77.10, 77.25, 77.40, 77.55, 77.70, 77.85, 78.00, 78.15, 78.30, 78.45, 78.60, 78.75, 78.90, 79.05, 79.20, 79.35, 79.50, 79.65, 79.80, 79.95, 80.10, 80.25, 80.40, 80.55, 80.70, 80.85, 81.00, 81.15, 81.30, 81.45, 81.60, 81.75, 81.9 |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |

Once opened, keep chilled below 4°C and consume within 3 days.  
Best stored chilled.  
Do not consume if seal is broken.

**SHAKE BEFORE EACH USE**

# Australia's Own

## MIGHTY MILK



**FRESH MILK**

**MIGHTY MILK**  
**noumi**

Manufactured by Pactiv Dairy Group  
Pty Ltd for Noumi Trading Pty Ltd  
80 Box Rd, Taren Point,  
NSW 2229 Australia  
Freecall Australia: 1800 646 231  
Freecall New Zealand: 0800 444 725  
International: +61 2 9526 2555  
EST Number: 2154  
[australiasownfoods.com.au](http://australiasownfoods.com.au)  
f @

Proudly made in Australia and  
exported to the world

Imported and distributed in Asia by:  
Noumi Singapore Pte. Ltd  
26 Eng Hoon Street, Singapore 169776  
Box World Sdn. Bhd.  
Lot 1001, Ketuli Road,  
Pending Industrial Estate,  
93450 Kuching,  
Sarawak, Malaysia.

Federated Distributors, Inc.  
FDI BLDG., Veronica de Leon Street,  
Cor. Queensway Avenue, Sta. Nino,  
Paranaque, Metro Manila, Philippines.

**Canon**  
  
Check locally

**Straw**  
  
[canon.org.au](http://canon.org.au)

**NUTRI-GRADE**  
  
2+  
200 ml

**Made in Australia from at least 99% Australian ingredients**

10-C.T.  
TY  
SH  
NAM  
1-TRINH



Milk, UHT

NUTRITION INFORMATION

Servings Per Pack: 1 Serving Size: 200 mL

|                     | Per 100mL | Per Serve | %DV* |
|---------------------|-----------|-----------|------|
| Energy (kJ)         | 310       | 620       |      |
| Energy (Cal)        | 74        | 148       |      |
| Protein (g)         | 3.3       | 6.6       | 13   |
| Fat, Total (g)      | 3.6       | 7.2       | 10   |
| - Saturated Fat (g) | 2.6       | 5.3       | 22   |
| - Trans Fat (g)     | 0.1       | 0.2       |      |
| - Cholesterol (mg)  | 13.1      | 26.2      |      |
| Carbohydrates (g)   | 6.4       | 12.8      |      |
| - Dietary Fibre (g) | 0.0       | 0.0       |      |
| - Sugars (g)        | 6.4       | 12.8      | 14   |
| - Lactose (g)       | 4.9       | 9.7       |      |
| - Galactose (g)     | 0.0       | 0.0       |      |
| Sodium (mg)         | 33        | 66        | 3    |
| Calcium (mg)        | 120       | 240       | 30   |
| Vitamin A (ug) †    | 34        | 68        | 8    |
| Vitamin B2 (mg)     | 0.16      | 0.32      | 19   |
| Vitamin B5 (mg)     | 0.40      | 0.80      | 16   |
| Vitamin B12 (ug)    | 0.17      | 0.34      | 17   |
| Vitamin D3 (ug) †   | 1.90      | 3.80      | 38   |
| Iodine (ug)**       | 30.0      | 60.0      | 50   |
| Iron (mg)           | 1.30      | 2.60      | 22   |
| Phosphorus (mg)     | 93        | 186       | 19   |
| Zinc (mg)           | 1.20      | 2.40      | 20   |

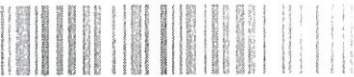
† Philippines Vit A 227 IU/serve, Vit D3 152 IU/serve

\* Percentage Daily intakes are based on an average adult diet of 8700kJ.

\*\* Iodine RDI from NHMRC NRVs (2006) for up to 13 yr

Ingredients: milk, sugar, minerals (iron, zinc), vitamin D.

Contains: milk.



THIS BARCODE IS A POSITIONAL ONLY  
PRINTER TO STRIP IN BARCODE

BARCODE No: 9 315090 213966



0 000000 000000

Fueling  
active  
bodies to  
be their  
mighty  
best

FRESH  
AUSTRALIAN  
MILK



Protein  
for  
growth



Vitamin B2  
for Energy



Calcium  
for Strong Bones



Zinc  
Essential for  
Growth



Vitamin D  
for  
strong bones



100%  
MILK  
PROTEIN







WON: FST220816864-1  
Date/Ngày: 30-Aug-2022/30-08-2022



Testing Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

Applicant / ref. (Khách hàng / số yêu cầu) : DKSH VIETNAM CO., LTD/  
CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM

Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG AUSTRALIA'S OWN MIGHTY MILK

Sample description (Mô tả mẫu) : Milk / Sữa hộp

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample submitted/ Mẫu nhận từ khách hàng

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23-Aug-2022/ 23-08-2022

Sample tested on (Ngày phân tích) : 24-Aug-2022/ 24-08-2022

Testing Results / Kết quả phân tích

| No./STT | Parameters / Chỉ tiêu                | Unit / Đơn vị | Result / Kết quả                | LOD / Giới hạn phát hiện | Test Method / Phương pháp phân tích                                            |
|---------|--------------------------------------|---------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | Benzyl penicillin (Penicillin G) (*) | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 2.00                     | FST-WI01 chapter 10 (LC/MS/MS)                                                 |
| 2       | Procain benzylpenicilin (*)          | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 2.00                     | FST-WI01 chapter 10 (LC/MS/MS)                                                 |
| 3       | Chlortetracycline (*)                | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 10.0                     | FST-WI01 chapter 13 (Ref. AOAC 995.09 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019)) (LC/MS/MS) |
| 4       | Oxytetracycline (*)                  | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 10.0                     |                                                                                |
| 5       | Tetracycline (*)                     | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 10.0                     |                                                                                |
| 6       | Dihydrostreptomycin (*)              | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 50.0                     | FST-WI01 chapter 22 (LC/MS/MS)                                                 |
| 7       | Gentamicin (*)                       | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 50.0                     | FST-WI01 chapter 22 (LC/MS/MS)                                                 |
| 8       | Streptomycin (*)                     | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 50.0                     | FST-WI01 chapter 22 (LC/MS/MS)                                                 |
| 9       | Melamine (*)                         | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.50                     | FST-WI01 chapter 12 (LC/MS/MS)                                                 |

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited  
Food Office & Laboratory  
M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,  
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887  
Email: [cs.cantho@intertek.com](mailto:cs.cantho@intertek.com)  
Website: [www.intertek.com](http://www.intertek.com) / [www.intertek.vn](http://www.intertek.vn)



| No./STT | Parameters / Chỉ tiêu                                 | Unit / Đơn vị | Result / Kết quả                | LOD / Giới hạn phát hiện | Test Method / Phương pháp phân tích                                                               |
|---------|-------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10      | Spiramycin (*)                                        | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 10.0                     | FST-WI01 chapter 07 (LC/MS/MS)                                                                    |
| 11      | Aflatoxin M1 (*)                                      | µg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.50                     | FST-WI01 chapter 14 (Ref. AOAC 2000.08 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019)) (LC/MS/MS)                   |
| 12      | Aldrin                                                | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.01                     | FST- WI06 chapter 40 (Ref. AOAC 2007.01 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) and EN 15662:2018), GC/MS/MS |
| 13      | DDT                                                   | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.01                     |                                                                                                   |
| 14      | Dieldrin                                              | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.01                     |                                                                                                   |
| 15      | Endosulfan                                            | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.01                     |                                                                                                   |
| 16      | Cyfluthrin                                            | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.01                     |                                                                                                   |
| 17      | Antimony (Sb) content/<br>Hàm lượng Antimon (Sb) (*)  | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.10                     | AOAC 964.16 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019)                                                          |
| 18      | Arsenic (As) content/<br>Hàm lượng Asen (As) (*)      | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.03                     | AOAC 986.15 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) Modified (AAS)                                           |
| 19      | Cadmium (Cd) content/<br>Hàm lượng Cadimi (Cd) (*)    | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.10                     | AOAC 999.11 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) Modified (AAS)                                           |
| 20      | Lead (Pb) content/<br>Hàm lượng Chì (Pb) (*)          | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.02                     | AOAC 999.11 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) Modified (AAS)                                           |
| 21      | Mercury (Hg) content/<br>Hàm lượng thủy ngân (Hg) (*) | mg/kg         | Not detected<br>Không phát hiện | 0.05                     | AOAC 974.14 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019) Modified (AAS)                                           |
| 22      | Crude Protein (N*6.38)/<br>Hàm lượng Đạm (N*6.38) (*) | g/100mL       | 3.40                            | -                        | AOAC 991.20 (21 <sup>st</sup> Ed., 2019)                                                          |
| 23      | Enterobacteriaceae                                    | CFU/mL        | <1                              | -                        | ISO 21528-2: 2017                                                                                 |

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

**Intertek Vietnam Limited****Food Office & Laboratory**

M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,  
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: [cs.cantho@intertek.com](mailto:cs.cantho@intertek.com)Website: [www.intertek.com](http://www.intertek.com) / [www.intertek.vn](http://www.intertek.vn)





VILAS 278

WON: FST220816864-1

Date/Ngày: 30-Aug-2022/30-08-2022

| No./STT | Parameters / Chỉ tiêu                            | Unit / Đơn vị | Result / Kết quả | LOD / Giới hạn phát hiện | Test Method / Phương pháp phân tích |
|---------|--------------------------------------------------|---------------|------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| 24      | <i>Listeria monocytogenes</i>                    | CFU/mL        | <1               | -                        | ISO 11290-2:2017                    |
| 25      | Density @20°C/<br>Tỷ trọng ở 20°C <sup>(*)</sup> | Kg/L          | 1.0392           | -                        | IRT - MM193                         |

**Note /Ghi chú:**

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. LOD: Limit of detection / Giới hạn phát hiện.
3. (\*) Parameters are not accredited ISO 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025.
4. (†) Parameters are tested by Oil, Chemical and Agriculture Laboratory laboratory of Intertek Viet Nam/ Những chỉ tiêu được phân tích bởi phòng thí nghiệm nông sản và hóa của Intertek Việt Nam.
5. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony/ Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

On behalf of Intertek Vietnam-Cantho branch



Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

**Intertek Vietnam Limited****Food Office & Laboratory**

M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,  
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887

Email: [cs.cantho@intertek.com](mailto:cs.cantho@intertek.com)Website: [www.intertek.com](http://www.intertek.com) / [www.intertek.vn](http://www.intertek.vn)